TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Danh nhân Bình-định — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (LIII) — *Ứng-Hòe*
* Khoa thi hương năm Tân-mão (1891) — *Tiên-Đàm*
* Thanh niên tân học với đời sống của dân quê — *Phạm-mạnh-Phan*
* Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên-môn (V) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Một danh sĩ xưa chia hồi truyện Kiều và phê bình nàng Kiều như thế nào (II) — *Song-Cối*
* Những ông nghè triều Lê (XLVII) — *Ứng-Hòe*
* Nam-đàn bát châu (XIII) — *Nguyễn-đôn-Phục*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn — Nguyễn-huy-Tưởng*
* Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển (VII) — *Đào-trọng Đủ*
* Vần thơ tiếng ta (III) — *Đỗ-Thúc*
* Hà-nội — Vientiane trong hai giờ (II) — *Vũ-Nhật*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, V) — *Nguyễn-Huy-Tưởng*

Năm thứ hai — **Số 78**
Thứ năm, 31 Décembre 1942

0 $ 20

DANH-NHÂN BÌNH-ĐỊNH

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

ÔNG Trúc Lâm Bùi-văn-Lăng mới xuất-bản một quyển sách rất có ích, đề là *Danh-nhân Bình-định*. Sách chia ra làm sáu mục, in thành 190 trang giấy nhỏ. Mục thứ nhất nói về một *bậc khai quốc* tên là Trần-đức-Hòa. Mục thứ hai chép truyện bảy *bậc phục-hưng vương chánh*, là cụ Đặng-đức Siêu, Ngô-tùng-Châu, Lê-Chất, Nguyễn-van-Hoàng, Phạm-van-Sĩ, Trần-van-Sung và Phạm-văn-Lý. Mục thứ ba chép truyện sáu *bậc hiền-lương trung-nghĩa*, là cụ Nguyễn-đức-Huyên, Nguyễn-bá-Nghi, Võ-văn-Từ, Hoàng-Chiến, Lê-đình-Lý và Nguyễn-văn-Điềm. Mục thứ tư chép truyện hai-mươi-bốn *bậc tuấn-lương*, là cụ Trần-quang-Chung, Võ-van-Hiệu, Ngô-tùng-Nho, Lê-đại-Cang, Lê-công-Miễn, Hoàng-văn-Minh, Lâm-duy-Hiệp, Lê-văn-Chân, Trần-kinh-Vỹ, Lê-thúc-Đôn, Trần-van-Chánh, Nguyễn-văn-Bằng, Trần-van-Thiều, Trần-văn-Điền, Nguyễn-đang-Tuyển, Đào-Tấn, « Linh-phong », Võ-đình-Phương, Nguyễn-đôn-Phục, Cao-van-Duy, Hoàng-van-Chuẩn, Bùi-van-Bằng, Hồ-sĩ-Tạo và Đào-phan-Duân. Mục thứ năm chép truyện sáu *bậc túc nho* là cụ Nguyễn-Diêu, Nguyễn-trọng-Trí, Nguyễn-xuân-Kiều, Huỳnh-Diệm, Huỳnh-bá-Van và Nguyễn-thế-Hiền. Mục thứ sáu đề là *Tây-sơn dã-sử : Nguyễn-Huệ*.

Lịch-sử cụ Đào-duy-Từ đã in thành sách riêng, nên ông Bùi-van-Lăng không thuật lại trong quyển *Danh-nhân Bình-định*. Ông chỉ chép truyện các bậc kể trên kia, viết « lời bàn » và sao một vài bài văn, bài thơ của danh-nhân để « làm quà cho độc-giả », như bài *Bằng-hữu kim ký* của cụ Nguyễn-đôn-Phục, « thật rõ là một bài luận-lý đã đủ lẽ khuyên răn, mà lại hợp với nhân-tình thế-thái ».

Ông nói trong bài tựa rằng hễ ai thấy chỗ nào sai-lầm hay khuyết điểm, thì bảo để ông sửa-đổi lại cho đúng. Về phần tôi, xin góp thêm những vị danh-nhân sau này : phần nhiều chép theo sách *viết* bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, là sách mà ông Bùi-văn-Lăng không kê-cứu được, vì ông làm việc tận Quy-nhơn.

I. — *Nguyễn-văn-Điềm*, người huyện Bồng-sơn, tỉnh Bình-định. Đời Minh-mạng điền vào lính ở tiền-phong hữu-vệ. Năm thứ mười-lam (1834) theo đi quân thứ ở Gia-định. Lúc bấy giờ giặc là tên Thầm (chữ nôm đọc là Chầm, v. v.) họp đồ-đảng giữ thành Phan-an, quân nhà vua đánh vòng quanh mãi không hạ nổi. Giặc rình lúc đêm sấn vào đánh : Nguyễn-văn-Điềm bị bắt. Giặc bảo ông vào trong thành nói dối rằng : « Ngoài thành quan quân ít, giặc Xiêm đã tới, ngoài Bắc trộm giặc nổi lên...) Lại bảo ông nói thêm rằng : « Hễ dân trong thành ra thú với quan quân thì bị chết hết », nói thế để lừa dân-chúng. Ông Điềm giả cách ừ. Kịp đến khi giặc họp lại để tra hỏi ông, thì ông đều nói trái cả những lời nó đã dặn. Ông lại nói thêm rằng : « Thân này đã bị bắt, còn sợ gì cái chết ? Cho nên bảo thực các người trong thành, nên sớm liệu tìm đường thoát thân... Thà trái ý giặc mà chết, còn có thể được làm thần, chẳng hơn theo giặc, đến lúc chết chỉ làm quỉ thôi ? » Giặc Thầm giận lắm, đem giết mổ gan, an thịt. Trong quân-thứ dò được sự thực, tâu vua nghe. Vua lấy làm khen-ngợi, dụ nội-các rằng : « Van-Điềm là một tên tiểu-tốt, mà còn biết rõ đại-nghĩa, lòng trung-phẫn kích-liệt, đem chí-khí tiết-tháo so-sánh với người xưa cũng chẳng kém gì ? » Truy tặng chức cai-đội, hàm chánh ngũ phẩm, theo phẩm-hàm cấp cho tiền tuất, lại được thờ cúng trong miếu trận-vong tướng-sĩ. Con ông là Văn-Hoan hãy còn bé, hằng tháng cấp cho tiền gạo, đợi đến khi lớn bổ dụng. Đầu năm Tự-đức (1848) ông được cúng tế ở đền Trung-nghĩa (chép theo *Đại-Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, sách in bằng chữ nho, quyển 40, tờ 27 b-28 b ; bộ *Đại-Nam nhất thống chí*, sách in bằng chữ nho, quyển 9, tờ 46 b, cũng chép truyện ông Điềm).

II. — *Võ-văn-Học*, người thôn Kiên-hạnh, huyện Tuy-viễn, tỉnh Bình-định, sinh năm tân mùi (1811). Nam ba mươi sáu tuổi (theo tuổi ta) đỗ cử nhân khoa bính-ngọ 1846, năm ba mươi bảy tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1847 (chép theo *Quốc-triều khoa bảng lục*, sách in bằng chữ nho, quyển 1, tờ 21 b). Bổ tri-phủ Tuy-an, được

lòng sĩ dân. cho nên phàm việc trong hạt, nhớn nhỏ đều biết. Phủ gần chợ, thuyền buôn đến đông, đêm đêm thường bị trộm cướp bóc lột. Ông Học nghiêm trị bọn ấy, dân gian được yên. Năm Tự-đức thứ hai, 1849, gặp nam đói, người chết dịch, ông thân hành cho thuốc và phát chẩn : khỏi nạn rất nhiều. Việc ấy đến tai vua, vua thưởng cho bạc lụa và triệu về thăng làm ngự sử : dân xin lưu lại, được gia hàm thị-độc, vẫn lĩnh chức tri-phủ. Nam Tự-đức thứ năm (1852), đổi sang phủ Ba-xuyên, vì tang cha xin cáo ; đến khi hết tang, lại lĩnh chức tri-phủ. Lúc mất được tặng thi-giảng học-sĩ. Ông là người quen chính-thể, thuộc dân-tình xứ Mọi, lại được lòng dân. Cho nên người ta khen là bậc « cổ-tuần-lại », là ông quan tuần-lương đời xưa (chép theo bộ *Đại-Nam nhất thống chí*, sách soạn bằng chữ nho về đời Tự-đức, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 69, quyển Bình-định, tờ 29 a).

III. — *Nguyễn-hữu-Tiến ;* tiên-tổ là người huyện Ngọc-sơn (Thanh-hóa), sau dời đến ở huyện Bồng-sơn (Bình-định). Trạng-mạo khôi-kiệt, sớm bồ côi cha mẹ, nhà nghèo, làm thuê cho người ta. Ông là người trầm-nghị có chí lớn, thường nói : « Nếu gặp thời, nên dẹp yên họa loạn, để rỗ cái tài của mình » ! người ta đều cười, cho là điên *(si)*. Nam 1631 ông Nguyễn-hữu-Tiến đến yết-kiến quan nội-tán Đào-duy-Từ. Đào-duy-Từ thấy người thông-minh cho làm rể, rồi tiến chúa Nguyễn-Hi-tôn (1613-1635), chúa cho chức đội-trưởng, coi thuyền « nội-thủy địch-cần ». Hữu-Tiến đêm thường diễn quân, có người trái luật, lập tức chém trưởng cờ để làm gương : quân đều thất kinh. Đào-duy-Từ nghe thấy lo sợ, chạy vào phủ chúa. Chúa đang ngồi xem sách, cùng ông bàn luận binh pháp : ông nói đến truyện Tôn-Vũ-tử dạy quân trong cung vua Ngô, chém nàng hầu yêu của vua Ngô. Chúa Nguyễn khen Tôn-Vũ-tử là người nghiêm, vua Ngô là người minh đoán, nên mời thành bá-nghiệp. Đào-duy-Từ nhân đem việc Nguyễn hữu Tiến chém trưởng cờ, xin chịu tội. Chúa nói : « quân không theo luật thì giết đi, có tội gì ? Liền thang cho Hữu-Tiến chức cai-đội ; từ đấy sĩ tốt chẳng ai là chẳng sợ phục. Dần dần Hữu-Tiến thăng đến chưởng cơ. Nam 1648, chống nhau với quân chúa Trịnh ở cửa Nhật-lệ, chém tướng hơn mười người, bắt sống rất nhiều. Năm 1655, đem quân qua sông Gianh (Linh giang), lấy bảy huyện đất Nghệ an. Mất năm 1666. Truy tặng Tiết-chế Thuận-quận-công. Năm Gia-long thứ tư (1805) cho tòng tự Thái miếu ; đến năm Minh-mạng thứ 12 (1831) phong là Anh-quốc-công, năm thứ 16 (1835) cho tòng tự Võ miếu (bộ *Đại-Nam liệt truyện*, tiền biên, quyển 3, tờ 19 a 26 b, chép còn nhiều, đây chỉ lược qua).

IV. — *Trần-văn-Trí* người huyện Bồng-sơn tỉnh Bình-định năm 1784 có công theo vua Gia-long sang Vọng-các (Bangkok). Khi về Gia-định, thường theo vua đi đánh Tây-sơn có công được thăng cai cơ lại được thăng Khâm-Sai thuộc nội chưởng-cơ rồi mất. Con là *Trần văn-Trị* được bổ vào sổ anh-danh bắt đầu làm đội-trưởng, rồi thang cai đội ; năm Minh-mạng thứ 14 (1833) theo quan quân đi đánh thành Phan-an, bị chết tại trận được biên tên để cúng tế ở đền Trung-nghĩa (chép theo *Đại-Nam liệt truyện*, sơ tập quyển 15, tờ 20 b); và *Đại-Nam nhất thống chí* soạn về đời Tự-đức bản sao của Bác-cổ số A 69 quyển Bình-định, tờ 27 b)

V. — *Nguyễn-Nghi* có tên nữa là Nguyễn-Chính người huyện Tuy phước tỉnh Bình-định làm quan đến Lễ-bộ. Mùa hạ năm mậu-tuất 1778 cùng chưởng-cơ là Nguyễn-văn Hoằng đem quân bộ đến Bình-thuận để chống nhau với Tây-sơn Năm canh tý 1780 triệu về Gia-định vua Gia-long lên ngôi chúa (vương-vị Nguyễn-Nghi và tham nghị Trần đại Thể có công «dực đời» giúp đỡ lên ngôi. Sau Nguyễn-Nghi lại đi giữ Bình thuận bị bệnh mất được thờ ở đền Hiển trung và miếu Trung hưng công thần (*Đại Nam liệt truyện* sơ tập, quyển 19 tờ 1 b *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự đức quyển Bình định tờ 29 a).

VI. — *Đào-văn-Long* người huyện Tuy-viễn. Đầu đời trung hưng 1778-1780 làm chức cai đội coi đạo Châu đốc. Năm giáp dần 1794 theo vua Gia-long đi đánh Qui nhơn bị chết trận truy tặng chức cai cơ Lại người cùng huyện Tuy-viễn là cai đội chi Qui-nghĩa *Vũ-văn-Động* năm ất mão 1795 theo vua Gia long đến cửu viện Diên khánh (Nha trang)

Cai đội *Dương-văn Phi* theo đi đánh đều mất tại trận tặng chức cai cơ. Được thờ ở đền Hiển trung và đền Tinh trung (*Đại Nam nhất thống chí*, đời Tự đức sách viết quyển Bình định tờ 28 b 29 a).

VII — *Nguyễn-văn-Xuân* người huyện Phù cát đầu đời trung hưng 1778-1780 theo vua Gia long đi đánh Tây sơn có công làm quan

(Xem tiếp trang 9)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 53

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM VÂN KIỀU *(bài nối)*

Lễ xong hương-hỏa từ-*đường.*

Từ đường là nhà thờ họ. Phường-bản chép là « *gia đường* », là nhà thờ riêng của con thứ.

Tu bà vắt vẻo *lên giường ngồi ngay.*

Phường bản chép là « *vắt noc* ».

Lạy rồi, sang *lạy cậu mày bên kia.*

Phường - bản chép là « Lạy rồi, *thì* lạy cậu mày bên kia ».

Thôi đà *cướp sống chồng min đi rồi !*

Phường bản chép là « Thôi *thì* ».

Tuồng vô-sỉ, ở bất-nhân.

Phường-bản chép là «vô-*nghĩa*».

Màu hồ đã mất *đi rồi.*

Kim Vân Kiều truyện chú chép là « Màu hồ đã *nhạt* đi rồi ».

Vào nhà *phải cư phép nhà tao đây.*

Phường bản chép là «*Nhập gia*».

Cớ sao chịu tốt *một bề* ?

Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « chịu *ép* một bề ».

Thôi thôi còn *có tiếc gì !*

Các bản chép là « *Thôi thì thôi,* có tiếc gì ? »

Mụ còn nhìn *mặt, nàng đà quá tay.*

Các bản chép là « Mụ còn *trông* mặt ».

Thương ôi ! tài sắc bậc *này !*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *mực* này ».

Một dao oan-nghiệt, *dứt dây phong-trần.*

Ông Vĩnh chép là « oan *nghiệp* ».

Trong nhà người chất *một lần như nêm.*

Ông Vĩnh chép là « người *chật* ».

Cat người coi *sóc,* chạy *thầy thuốc* men.

Các bản chép là « Cắt người *xem* sóc, *rước* thầy thuốc *thang* ». Theo kinh bản chữa là « thuốc *men* » thì mới đúng vần với chữ « trần duyên.» ở câu dưới. Nếu theo chữ « thuốc *thang* như phường-bản thì sai vần.

Trong mê đã thấy Đạm-Tiên rõ ràng.

Quan-văn đường chép là « Trong mê *dường đã đưng bên một nàng* » ; quyển chú-thích chép là « Trong *màn* đã thấy *đứng bên một nàng.*

Số còn nặng nghiệp *má đào.*

Ông Vĩnh chép là « nặng *nợ* má đào ».

Người dù *muốn* lánh, *trời nào đã cho.*

Quan-van-đường và quyển chú-thích chép là « Người dù muốn *quyết* » ; ông Vĩnh in là : « Người *đà* muốn *quyết* ».

« *Hãy xin* trọn *kiếp liễu-bồ.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Nguyên câu ấy ở bản kinh viết là : « Chịu trời cho vẹn kiếp tu », nhưng ý cụ không theo. Các bản khác chép là : « Hãy xin *hết* kiếp liễu-bồ ».

Dịu *lời khuyên-giải mơn-man gỡ dần.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *Liệu* lời » ; ông Vĩnh chép là « *Lựa* lời ».

Hoa xuân đương chiếng, *ngày xuân còn dài.*

Các bản chép là : « Hoa xuân đương *nhụy* ».

Đá vàng chi *nỡ ép nài mưa mây.*

Các bản chép là : « Đá vàng *sao* nỡ ».

Tìm nơi xứng đáng là *con cái nhà.*

Các bản chép là « *làm* con cái nhà ».

Nàng nghe dường *cũng thị-phi rạch-ròi.*

Các bản chép là : « *thường* cũng thị-phi rạch-ròi ».

Vả suy *thần mộng mấy lời.*

Các bản chép là « Vả *trong* thần mộng mấy lời »

Tức nhân âu *cũng có trời ở trong.*

Các bản chép là « *thì* cũng có trời ở trong ».

Làm chi lại một nợ *chồng kiếp sau !*

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Thúy-Kiều tưởng-tượng như Đạm-Tiên bảo rằng : Nợ kiếp này giả chưa xong, nếu chết đi, không những nợ kiếp trước ngày nay chưa giả, lại thêm một lần nợ kiếp này, bao giờ giả được ? Thêm một lần nợ, tức là « *nợ chồng* », chồng chất, chồng đống, chứ không phải vợ chồng. » Cụ Kiều-oánh-Mậu lại chua thêm rằng : « Các bản viết : *Làm chi thì cũng một chồng kiếp sau,* không đúng nghĩa. » Ông Vĩnh in là : « Làm chi *thêm một nợ chồng kiếp sau.*»

Lắng nghe, ngẫm nghĩ *gót đầu.*

Bản chú-thích chép là « *thấm-thía* gót đầu » ;

Quan-văn-đường chép là « *thăm thẳm* gót đầu ».

Phải điều lòng lại đổi *lòng mà chơi.*

Các bản chép là « *dối* lòng ».

Định lòng, nàng mới *sẽ nguôi nguôi dần.*

Các bản chép là « nàng *cũng* sẽ nguôi-nguôi dần ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NÓI CHUYỆN Ở HỘI TRÍ-TRI NAM-ĐỊNH

KHOA THI HƯƠNG NĂM TÂN-MÃO (1891)

Tiên Đàm NGUYỄN-TƯỜNG PHƯỢNG

Theo nhời mời của ông Hội-trưởng hội Trí-Tri Nam-định, hôm thứ bảy 28 Novembre 1942, bạn Tiên-Đàm Nguyễn-tường-Phượng, bản-chí chủ-nhiệm, đã nói chuyện tại hội-quán hội ấy. Dưới đây là nguyên văn câu chuyện, xin lục đăng để độc-giả nhàn lãm.

T. T.

Thưa ông Hội-trưởng,

Tôi xin trân trọng cảm tạ ông Hội-trưởng đã lấy tình đồng chí có nhã ý cho phép tôi được hầu chuyện các bà và các ngài hôm nay.

Tôi là hội-viên hội Trí-Tri Hà-nội mà được đến đây nói chuyện, được cùng các bạn đồng chí thành, Nam thi hành mục đích của hội, thật là một sự rất hân hạnh. Không biết, cách đây hơn năm mươi năm, các bậc đàn anh chúng ta khởi xướng, lập ra hội Trí-Tri, có nghĩ gì đến câu « học thày chả tày học bạn » mà ở hội chính cùng các chi nhánh đã lần lượt nối nhau theo đòi cái mục đích ấy một cách rất nhiệt-liệt, có nhiều kết qủa tốt đẹp.

Tuy nhiên, trong khoảng 50 nam ấy, có một vài nơi đã đi ra ngoài tôn-chỉ của hội, nhưng chi-hội Nam-định đây nhờ ông Hội-trưởng Ngô cùng các bạn đồng chí vẫn giữ vững được nền tảng cũ, chuyên chú đến việc học, tổ-chức các cuộc nói chuyện, khuyến-khích văn-học, tôi xin phép lấy tư-cách hội-viên ở hội chính mừng các ngài và xin kỳ-vọng ở các ngài trong buổi tương-lai của Hội.

Thưa các bà, các ngài,

Tôi lại xin thành thực cảm tạ các bà và các ngài đã bớt chút thì-giờ đến hội-quán này nghe chúng tôi hầu chuyện.

Đã là hội-quán một hội học, theo thiển kiến tôi thì vấn-đề gì thích hợp nhất, phải chăng là vấn-đề văn-học, vì vậy hôm nay tôi cũng không ra ngoài cái phạm-vi ấy.

Tôi xin phép nói về : « khoa thi hương năm Tân-mão (1891 », Tôi là người vụng về, biết được điều gì về khoa thi này xin kể lại (1), tôi không dám có cái cao-vọng trình bầy một thiên khảo cứu vì tài liệu còn ít-ỏi, tôi cũng Không dám nói tỉ-mỉ về chế-độ khoa-cử thời xưa, các bà, các ngài ở đây chắc đã có dịp đọc trong các sách xuất bản nói về chuyện khoa cử các sách ấy đã trình-bầy rõ-ràng cả.

Trong câu chuyện hôm nay, tôi chỉ cố làm sống lại cái dĩ-vãng của tỉnh Nam này là nơi biết bao sĩ-tử đã do con đường khoa-cử bước chân vào bể hoạn, đem tài kinh luân giúp nước yên dân, hay lui về ẩn giữ được tiết-tháo còn ghi đến ngày nay,

Câu chuyện cũ này, tôi mong được các bà, các ngài chỉ giáo cho những điều khuyết điểm và sai nhầm để giúp thêm cho việc tham khảo.

Thưa các ngài,

Cách đây nam sáu mươi nam, chính tháng mười ta này là tháng thi hương, và cũng chính trong tháng này Nam-thành trơ nên ồn-ào, náo-nhiệt vì đã tụ hội các sĩ-tử ở các tỉnh các miền : gọng lều, ống quyển, tiền đém, gạo lưng xuống Nam ứng thí,

Khoa Tân-mão (1891) nhằm năm Thành-thái thứ ba là một khoa chính (lệ Bản Triều cứ ba năm một lần thi hương vào các năm : Tỵ Ngọ, Mao, Dậu). Năm ấy gồm cả trường Nam và trường Hà thi làm một, nên số học trò có hơn 9.000 người.

Cái quang-cảnh, tỉnh thành bắt đầu tấp-nập từ ngày 25 tháng 9 là ngày các quan trường tiên trường. Từ cửa Nam-thành cho đến cửa trường thi, người ta làm nhiều nhà; quán bán hàng hay chỗ chọ cho các thí sĩ lại có các khuê nư ở Nam ra thuê bán bút, dây, diêm, nến và có lẽ cũng nhân sự buôn bán ấy mà . . . kén một ông tân khoa làm bạn tram năm !

Ở phố hàng Thao là nơi có những nhà hát, các chị em cũng sửa-soạn để đón tiếp các thi sĩ vì :

Hoa cù hồng phấn nữ.
Tranh khán lục y lang.
(Phấn son ngắp nghé ngoài đường,
Đua nhau xem ngó mặt chàng áo xanh).

Từ trên bến dưới thuyền, đêm đến, đèn thắp như sao, các sĩ tử kẻ đáp tầu thủy (khi xưa chưa có đường xe lửa, nhưng đã có tầu thủy, vì chở đông người nên tầu hay đắm, đã có một vài khoa như vậy), đi thuyền và đi bộ, người nào cũng có vẻ vừa lo, vừa mừng, không bút nào tả hết được.

Nhà kia ở tỉnh Bắc, có bốn anh em, con chú, con bác, đi thi khoa này. Vì là học trò cụ Cử Kim-cổ, nên trước ngày xuôi Nam, họp các bạn ở Ha-nội đi phụ tiên ở đền Bích câu và cầu mộng ở quán Trấn-võ xem khoa danh thế nào.

Bốn anh em đã xin được bài thơ rất huyền-bí của « Hà Tiên Cô tặng hai Lão thân » như sau đây:

Bạch phát cao sinh tuyết,
Nga trang quải kính minh.
Thùy tai lương mộ cửu,
Vong khước gia mang tình.
Kỷ kỷ chi cam khổ,
Tảo tảo du sinh bình.
Qủa nhiên thiên bất phụ,
Nhất nhất thường có trinh.

Diễn nôm:

Mái đầu tuyết điểm sương hoa
Đường cao treo bóng gương uga rành rành.
Người xa xa nghĩ bên mình,
Đò ai quên được gia-tình này chăng?
Xiết bao cay đắng đã từng
Dễ khi khổ khứ đến chừng cam lai.
Xanh kia có phụ chi ai,
Có trinh âu hẳn một hai báo đền

Nếu bài thơ tiên có ứng nghiệm thì về sau mới biết, vì cứ trong bài thơ trên, và cứ chỗ tôi được biết, trong nhà này chỉ mỗi nhà được một người hiền đạt, các ông nhà nho cho rằng sự mách bảo ở cả câu kết là; « Nhất nhất thường có trinh », nhưng cũng còn là một chuyện khó hiểu.

Cũng bốn anh em nhà này, lại rủ nhau lên đền Trấn võ ở Tây hồ cầu mộng. Trong khi ba em ngủ kỹ, thì người anh nằm mơ thấy một ông già chống gậy bước vào tam quan và đọc một câu rằng:

Thân đáo hoàng-vi chỉ tử nhân.

Tỉnh dậy, cả bốn anh em đều phân vân vì chả lẽ đỗ cả bốn người. Rồi một người đem đến hỏi một nhà danh vọng ở Hà-nội lúc ấy là cụ Thương Kim ở phố Hàng Khay vì ngồi dạy học nhà cụ.

Cụ Thương đọc câu trên, gật gù mãi, rồi hỏi lại bốn anh em ai là trên, ai là dưới, kế cụ kết luận rằng: « Người em thứ tư trong bốn người sẽ đỗ cử nhân ». Một sự lạ, là khoa Tân-mão, nhà này một người hỏng hẳn, còn 3 người kia đỗ, hai anh con nhà bác đậu tú tài, người em thứ tư trong bốn người ấy đỗ cử nhân!

Vậy câu thơ trên phải chang đã ứng nghiệm?

Trên đây chỉ là một câu chuyện cầu thơ, cầu mộng, mà tôi được nghe, chắc khoa ấy cũng còn nhiều sự kỳ lạ.

Ngày 25 tháng chín các quan tiến trường, nghi vệ rất nghiêm chỉnh. Quan Chánh chủ khảo khoa ấy là:

Hoàng hữu Xứng, cử nhân xuất thân, người tỉnh Quảng-trị, làm Lại bộ tả tham tri, sung Quốc sử quán toản tu.

Quan phó chủ khảo là:

Trần khánh Tiến, đỗ phó bảng khoa Tân-vỵ (1871), người tỉnh Hà-tĩnh, làm Bố-chính sứ Nghệ-an.

Hai quan giám khảo là:

Trần đình Phong, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Kỷ mão (1879), người tỉnh Thanh hóa, làm Tri phủ Hà trung, và Hoàng Thụy, đỗ phó bảng khoa Kỷ-sửu (1889), người tỉnh Quảng-bình, làm tri phủ Triệu phong.

Hai quan đề tuyển là:

Phạm ngọc Cư, lại điền xuất thân, người phủ Thừa thiên, làm lang trung sĩ bổ. và Lê ngọc Chức, cử nhân xuất thân, người tỉnh Quảng bình, làm viên ngoại sĩ bổ.

Hai quan phân khảo là:

Trịnh ngũ Văn, cử nhân xuất thân, người tỉnh Hà-tĩnh, làm thị độc sung sử quán biên tu.

Và Nguyễn Bỉnh, đỗ phó bảng khoa Kỷ-sửu (1889) làm đồng tri phủ.

Tám quan phúc khảo đều cử nhân xuất thân.

Mười sáu quan sơ khảo cũng cử nhân xuất thân.

Một quan giám sát ngoại trường là:

Bùi xuân Huyễn, cử nhân xuất thân, làm kinh kỳ đạo chưởng ấn.

Một quan giám sát nội trường là:

Mai khắc Đôn, cử nhân xuất thân, làm tả trực đạo ngự sử (2).

(Còn nữa)

Tiên Đàm NGUYỄN-T-PHƯỢNG

---

1) Những chuyện về khoa thi Tân-mão có nhiều đoạn do các cụ kể lại cho, trong số ấy có cụ Nguyễn-đình-Chuẩn, tuần-phủ tri-sĩ cho biết về các kỳ thi, tôi xin trân-trọng cảm tạ cụ và xin phép chú-thích: Cụ Nguyễn-đình-Chuẩn là ông cử thi 42 khoa Tân-mão, năm ấy cụ mới có 23 tuổi, cụ đã có chân tú-tài, bài thi kỳ đệ-nhất và phúc hạnh đều bình. Cụ người làng Phù-ủng huyện Mỹ hào tỉnh Haidương (nay thuộc về Hưng-yên). Cụ về tri-sĩ và hiện dưỡng nhàn tại quý xã, có soạn ra thần tích đức Phạm Diệu Suý (Phạm Ngũ Lão) tà người đồng hương với cụ.

2) Trích ở trong quyển khoa Tân mão, sách viết tay của cụ Bảng Nguyễn đạo Quán, người lâng Xuân cầu (Bắc Ninh) do ông ấm Nguyễn công Di là con cụ cho mượn — Xin cảm tạ.

Xin chú thích: Cụ Nguyễn đạo Quán là ông cử thứ 23 khoa Tân mão, năm ấy cụ mới có 25 tuổi. Bai thi kỳ đệ nhất, đệ nhị bình. Cụ la người làng Xuân cầu, huyện Văn giang, tỉnh Bắc ninh, dòng dõi ông Nguyễn gia Cát, đỗ Chế khoa đời Chiêu thống nhà Lê Cụ có thi Hội, đỗ phó bảng khoa Mậu tuất, làm quan đến Thương-tả Thái-bình.

Ban truyền bá vệ sinh và tân y học của Tổng-hội sinh-viên trường Cao-đẳng

MỘT CÔNG-CUỘC ĐÁNG KHUYẾN-KHÍCH
hay là thanh-niên tân học với đời sống của dân quê

PHẠM-MẠNH-PHAN

Hồi 6 giờ chiều hôm 18-12-42, chúng tôi có tới dự nghe cuộc nói chuyện của bạn Trịnh-Ngọc-Phan, sinh-viên trường Thuốc nói về: « Những nguyên tắc chính cần cho sự tổ chức và truyền-bá vệ sinh ở thôn quê », do hội Bảo-trợ nhi-đồng và phụ nữ Việt-nam tổ chức và dưới quyền chủ tọa danh dự của quan Thống sứ Bắc-kỳ và bà Háelewyn.

Diễn giả, nguyên trợ bút mục « Coin des jeunes » của tờ Annam Nouveau năm nọ, sau lời giới-thiệu của giáo sư Galliard, đã nói một cách lưu loát trong trên tiếng đồng trước mặt một số đông các quan khách Pháp, Nam.

Sau cuộc nói chuyện, chúng tôi có lưu lại để xem cuộc trưng bày tranh ảnh của ban truyền-bá vệ-sinh và tân y học (commission de diffusion d'hygiène et de médecine occidentale) của Tổng-hội sinh viên trường Cao-đẳng Đông-dương. (Association générale des étudiants de l'Université indochinoise: A. G. E. I.)

***

Trong buồng rộng ngay cạnh giảng đài, dưới ánh đèn sáng trưng với cách trang hoàng đơn sơ và tao nhã, cuộc trưng bày đã được hết thảy các quan khách chú ý và ngợi khen.

Trên các bảng đen để giữa buồng và ở các góc, chúng tôi đã lần lượt được xem các ảnh chụp ở trại thanh-niên Tương-mai các bức họa về việc đề phòng bệnh lao, bệnh đau mắt, bệnh thương hàn, các nhiều chứng do bệnh hoa-liễu gây nên, bản thống-kê các trẻ hữu sinh vô dưỡng cùng các bức họa khác có kèm lời khuyên vắn-tắt và rành mạch.

Ở giữa buồng, một bức vẽ một nàng Tiên với một bộ mặt tươi cười đầy vẻ nhân từ bác ái, khoác bộ áo lên một đàn trẻ khỏe khoắn, khôi-ngô, đỉnh-ngộ.

Dưới bức họa, một câu lục bát chú thích bằng những lời đầy ý nghĩa có thể biểu dương cái mục-đích cao xa của cuộc trưng bày:

Ma Bệnh-tật sẽ biến dần,
Nàng Tiên sức khỏe ân cần độ ta.

Hết thảy các bức họa dưới nét vẽ sành sỏi và dưới màu sắc tươi tắn với những chữ kẻ hệt như in đều đã quyến rũ người xem một cách say-mê.

Chúng tôi xin kể phác một tỷ-dụ về bệnh lao: các sinh viên vẽ hai tấm: một tấm đề « Muốn tránh bệnh lao » bằng chữ lớn. Rồi dưới 6 tấm ảnh con có chua những câu: *chớ nhổ bậy — sữa phải đun sôi, — nhà ở sạch-sẽ, — không-khí trong-sạch — phải tránh bụi bặm, — uống thuốc phòng lao.*

Một tấm đề « Bệnh lao truyền nhiễm cách nào » với những bức ảnh con có giảng nghĩa: *nhổ bậy, hô hấp bụi bặm, ăn uống chung.*

Về các bệnh khác đại-khái đều vẽ như vậy với những lời khuyên ran ngắn và rành-mạch làm cho người xem dễ nhớ.

Một bạn trẻ cho chúng tôi hay rằng ít ngày nữa các tranh ảnh này sẽ đem trưng bày tại hội-chợ Sài gòn.

Sau khi ra về, chúng tôi thấy cuộc trưng bày rất đầy ý nghĩa và chúng tôi đã ngẫm nghĩ về công việc đáng khuyến-khích ấy của ban Thuốc trường Đại học.

— « Phải chăng, chúng tôi tự hỏi, lúc này các thanh niên tân học đã nhận chân cái nhiệm vụ của mình trước cuộc tiến hóa của đất nước, đã biết xót xa tới phần đông người đồng chủng ngu muội và khốn khổ mà hăng hái nâng-đỡ họ?

« Phải chăng phần đông các bạn hằng ngày vẫn thường đụng chạm, gần gụi với những người mà trong huyết quản còn chảy chung một phần máu của tiên tổ giống Lạc-Hồng đã nhìn rõ tới sự sống tối-tam của họ mà hòng giúp ích họ trong muôn một để tỏ tình đồng chủng tương thân tương ái?

« Phải chăng một phần thanh niên tân học trong đầu óc đã gọt rửa được những tư tưởng ươn hèn về cách sống tầm thường, ngụp lặn trong ao tù trưởng giả mà nghiêng mình nâng đỡ, săn sóc tới đồng-bào?

Những cảm tưởng ấy đã khiến chúng tôi cầm bút viết bài này để tỏ lòng hưởng ứng một công cuộc tốt

đẹp của ban Thuốc trường Đại-học và để trình bày cùng hai g trí thức n ơc nhà, cùng các độc giả yêu quý của Tri-Tân mục đích, chương-trình và kết quả của ban đó.

Rồi các bạn cùng chúng tôi suy nghĩ và tâm tưởng mà mong cho ban đó ngày càng thêm sốt-sắng, cùng thời gian trường-thọ để có thể đạt được mục đích cao xa giúp ích cho non sông đất Việt.

***

Ban truyền bá vệ sinh và tân y học do các sinh viên ban huốc lập nên và đã được trường Y-khoa Đại học đỡ đầu.

Mục đích của ban đó là truyền-bá phép vệ sinh thực hành giản dị, và tìm cách giải quyết những vấn đề về vệ sinh thường thức trong xã hội Việt-nam, vì chữa bệnh-nhân là một việc cần, nhưng mách bảo cho mọi người biết mà tránh các bệnh-tật cũng là một việc tối cần.

Mục đích cao xa tốt đẹp ấy phải có một chương trình rành mạch để làm hướng đạo cho các công việc của toàn ban. Chúng ta hãy đọc qua những giòng này mà ban đó đã tuyên bố:

Chương trình:

A—*Phần lý thuyết*:

1— phát hành các bản truyền bá vệ sinh.

2— phát hành các tranh ảnh về vệ sinh.

3— tổ chức các buổi nói chuyện vệ sinh.

4— tổ chức những cuộc trưng bày vệ sinh tại các tỉnh.

B— *Phần thực hành*

1— khám bệnh và khuyên về vệ sinh tại thôn quê.

2— tổ chức một ban khám vệ sinh tại nhà

Với một chương trình rộng rãi bao la ấy mà trong đó lý thuyết đi cạnh với thực hành, ban truyền bá vệ sinh đã làm được những gì từ khi thành lập?

Nào đâu những kết quả mà ban đó đã hái được do sự cộng tác của bao thanh niên sốt sắng mà trong tim óc còn sôi nổi một luồng máu nóng đầy hăng hái và quả cảm?

Ánh sáng khoa học nhờ ban đó truyền ra đã chiếu được tới đâu và đã soi tỏ được những gì trong bộ óc tối tăm vì thất học của đám dân quê?

Chúng ta hãy nghe ban đó công nhiên tuyên bố:

Kết quả:

1— đã phát hành 9 vạn số truyền bá vệ sinh về 9 vấn đề: sốt rét, giang mai, ung thư, lao, thương hàn, đậu mùa, chó dại, vệ sinh nước uống, 10 điều hiệu lệnh của sức khỏe.

2. — đa trưng bày các tranh ảnh vệ sinh tại nhà hát tây từ 6-12-1941, đến 20-12-1941, tại trường Đại học từ 18-12-42 đến 20-12-42.

3. — đã tổ chức những cuộc nói chuyện về vệ sinh tại trại thanh niên Tương-Mai: « địa vị hương chức và thanh niên trong việc tổ chức vệ sinh thôn quê » — « Vấn đề nước uống » — « Bệnh chó dại — « Bệnh dun sán » — « Nàng tiên sức khỏe dạy ta những gì? » (Về trại Tương-mai, xin xem thêm các bài của các bạn Hoa-Bằng và Minh-Tuyền trong Tri-Tân số 57).

4. — Đã lập một ban khám bệnh tại Tương-mai, trong 5 tháng đã khám được 1207 người.

5.—Đã khuyến khích thanh niên làng ấy chú ý tới vấn đề vệ sinh.

***

Chúng tôi đã lấy công tâm thuật đúng những việc đã làm của ban truyền bá vệ sinh và tân y học.

Một điều đáng làm cho chúng tôi chú ý là ngân qũy của Tổng hội sinh viên A.G.E.I cũng chẳng được dồi-dào gì, nên tiền chi về việc truyền bá theo như những điều vừa kể là do một phần lớn các sinh viên, các cựu sinh viên, các nhà hảo tâm tự ý quyên giúp.

Đối với bất cứ công cuộc xã hội nào, tiền tài bao giờ cũng là một vấn đề gay go và đáng giải quyết hơn hết.

Dầu mục đích của ban truyền bá vệ sinh và tân y-học cao quý tới bậc nào đi nữa, nhưng một khi đồng tiền đã eo hẹp thì với bao lòng sốt sắng, bao chí chiến đấu cũng bằng thừa.

Chúng tôi đề nghị: ban truyền ba nên nghĩ các hàm giầu cho quỹ bằng việc xin phép chính-phủ tổ-chức những cuộc sổ số lấy đồ hay lấy tiền, tổ chức những buổi diễn kịch v. v...

Một khi các bạn đã dư tài lực để làm việc, chúng tôi mong các bạn tổ chức những cuộc trưng bày tranh ảnh tại các nơi mà công chúng năng lui tới thì sự ích lợi mới mong có nhiều hiệu quả.

***

Hỡi các bạn! Các bạn hãy cố gắng làm việc cho đất nước mà nâng đỡ đời sống cần lao của người đồng chủng bằng việc truyền-bá các phương pháp vệ sinh để ngăn ngừa các chứng bệnh hiểm nghèo.

Các bạn cứ thẳng tiến trên con đường đầy hi vọng.

Chúng tôi, những người cầm bút ở xứ này, vẫn không kể xao nhãng những công việc có tính-cách ích chung.

Trên bước đường đời, dầu theo chí hướng, mỗi người chúng ta đi một ngả, nhưng con đường nào cũng dắt đến thành La-mã thì công việc của chúng ta dầu khác nhau nhưng cũng cùng theo đuổi một lý tưởng...

PHẠM-MẠNH-PHAN

CÁCH ĐẶT TIẾNG VIỆT MỚI

dùng làm chữ chuyên môn

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

(Tiếp theo và hết)

Cách thứ hai:

Cải hóa tiếng việt

Những chữ chuyên-môn của người Pháp, người Âu nó đã thành hay có thể thành ra vạn quốc khoa-học tự không kể. Khi đó mình nên dựa vào tiếng của người mà đặt tiếng của mình là rất phải.

a) Còn những tiếng chuyên-môn khác nó không có cái lý gì mà thành tiếng khoa-học của vạn-quốc được thì mình đừng nên dùng cách việt hoá.

Khi đó mình nên lấy tiếng ta, lấy chữ nho dê-dễ dịch những ý mà mình cần phải có chữ chuyên-môn để dùng. Dịch rồi một câu, một đoạn mình giữ lại bốn chữ nếu bốn chữ ấy đăng-đối với nhau, như « tang điền thương hải », « lĩnh hoá giao ngân », chẳng hạn.

Bốn chữ mình giữ lại hai theo lối « tang thương » ở « tang điền thương hải » mà ra.

Nếu trong đoạn, trong câu không có bốn chữ đang-đối với nhau, thì mình chỉ giữ lại hai chữ mà mình cho là can-hệ nhứt thôi.

Khi còn hai chữ, mình nói líu nó lại thành một (loi de contraction) theo điệu *hai-mươi* thành *hăm*, *ba-mươi* thành *băm*. *ông-ấy* thành *ông*, *chị-ý* thành *chĩ*, *trên ấy* thành *trền*, *y-như* thành *in*.

Theo thế mà đặt thì *tam-giác* thành *tac*, *ba-góc* thành *boc*, *phân-giác* thành *phác*, *chia-góc* thành *chóc*, *chia-hai* thành *chai*.

Nói *hăm* mình biết ngay là *hai-mươi*, nói *ông* mình biết ngay là *ông ấy*.

Vậy thì *bóc* là hình *ba góc* (triangle) *chai* là đường *chia hai* (bissectrice): Tiện-lợi rõ-ràng lắm, câu văn sẽ sáng như gương, đọc lên ai nghe cũng hiểu ngay. Ai cũng biết hai *bóc* bằng nhau là deux triangles égaux không còn phải suy luận xem ý người viết muốn nói gì nữa.

Có người sẽ nghĩ rằng hàng vạn, hàng triệu chữ mới như vậy thì ai hiểu được.

« Ý mới thì lời phải mới ». Chữ chuyên-môn bao giờ cũng phải học thì mới hiểu, mà phải học theo thứ-tự từ đầu cuốn sách trở xuống. Người Pháp mới bắt đầu học khoa-học bằng tiếng Pháp cũng phải học như vậy.

Lại có người sẽ biểu làm như vậy sẽ có nhiều chữ trùng âm với nhau. Điều đó không can-hệ gì, (xem ở mấy bài sau)

***

b) Khi nào hai chữ mình để lại mà cùng một vần bằng thì không nói díu lại được, vì díu lại nó vẫn còn trơ nguyên như chữ cuối-cùng. Tỷ-dụ *đường đứng* (la perpendiculaire) líu lại, lại thành ra chữ *đừng*.

Khi đó mình phải dùng lối nói lái (la métathèse) rồi hai tiếng bỏ một lấy một.

Đường đứng là *đừng đường*, lấy tiếng *đường* bỏ tiếng *đừng*.

Dùng tiếng nói lái là bất đắc-dĩ, khi nào không thể tránh được hai chữ đồng vần bằng hay. Còn có thể thay chữ khác vào để cho hai chữ mình chọn không cùng vần bằng thì mình nên dùng lối nói lái. Tỷ-dụ có thể thay chữ « sững » vào chữ « đứng » được. *Đường sững* líu lại thành *đững*, thế là được.

Khi lấy chữ nho dùng làm căn-tự. Có một điều mình nên nhớ là nên dùng những chữ dê-dễ thông thường thôi. Căn-tự là để dựa vào đó cho có căn-bản mà đặt chữ mới, chớ không phải dùng căn-tự để chua nghĩa cho đúng. Những căn tự không nhất-thiết phải đúng nghĩa cho lắm như người ta tưởng, tạm đúng là được rồi,

Nên dùng những chữ nho dê-dễ thôi để cho người học sau này dễ

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> *Nếu ta có phải hy vọng thì mối hy vọng ở trong lòng ta. Hy vọng chỉ có ở thân ta, ở lòng yêu đất cũ, ở chí muốn sinh tồn, ở nghĩa đồng bào nó ràng buộc mọi người phải đồng tâm hiệp lực.*

suy nguyên mà dễ nhớ, chớ dịch một ý chuyên-môn bằng hai chữ hay hai căn tự — mình sẽ phải làm như thế — không thể nào đủ nghĩa, xát nghĩa được mà hòng chọn chữ cho thiệt đúng.

Tầm nguyên là để dễ nhớ, chớ không phải để hiểu như người ta tưởng lầm, vì những chữ chuyên-môn thì phải học mới hiểu, suy nguyên đoán nghĩa thì hiểu lầm ngay. Trong tiếng pháp cũng vậy, không thể nối dài mãi những can-tự để dịch một ý chuyên-môn cho đầy đủ được. Bởi vậy chữ « bissectrice » của Pháp chẳng hạn, nếu suy nguyên mà hiểu thì chỉ có nghĩa là « chia hai » thôi. Chữ « bissectrice » ám chỉ ligne bissectrice, đường chia hai, nhưng chia cái gì, chia ra làm sao?

***

Theo hai lối đó: Việt-hoá tiếng ngoại quốc và cải hóa tiếng việt bằng cách nói líu và cách nói lái, mình sẽ có những chữ mới tinh-tạo, an-nam 100%, nó rút nghĩa của cả một đoạn, một câu.

Một chữ mà rút được nghĩa của cả một đoạn một câu thì có thể dùng làm chữ chuyên-môn được.

Muốn viết khoa-học thì phải có chữ chuyên-môn. Muốn có chữ chuyên-môn thì mình chỉ có cách làm như thế thôi.

Những chữ chuyên-môn của vạn quốc khoa-học ngữ thì nên việt-hóa nó đi.

Những chữ chuyên-môn khác thì nên cải hoá ngay tiếng việt (tiếng ta hay chữ nho).

Mà cải hoá tiếng việt thì chỉ có lối nói líu (contraction) là tiện-lợi, dùng mãi mãi được thôi.

Khi nào không nói líu được thì mới phải dùng lối nói lái.

Những lý-lẽ và những trường-hợp nó khiến tôi bày ra cái phương-pháp này ở trong bài « Adaptation » là thế.

Độc-giả cùng các nhà khoa-học, văn-sĩ, thi-sĩ nghĩ sao? Nếu cho thế là phải thì ta sẽ theo cái phương pháp ấy mà viết khoa-học chuyên-môn bằng tiếng an-nam, không khó gì cả.

Hết

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

(Bài sau tôi sẽ mang cái Phương-pháp ấy ứng dụng trong mấy khoa như hoá-học vô-cơ, hình học và động-vật học để làm tỷ-dụ).

CÙNG CÁC NHÀ ĐẠI LÝ

Về số Xuân 1943 (Quí Mùi) vì chúng tôi in có hạn nên chúng tôi mong các đại lý gửi thơ về *lấy đủ số bán*. Những số báo còn, chúng tôi không nhận trả lại. Vậy các đại lý nên lưu ý mà gửi thư về ngay cho biết.

Đầu tháng Janvier có bán:

THI NHÂN VIỆT NAM

(1932-1941)

của

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

Hơn 400 trang gần 40 bức ảnh

Giá bán

Loại thường 4 $. Loại bouffant 7$

Loại vergé baroque crème 20 $

(Gửi thêm 0 $ 50 tiền cước)

Bạn nào mua 5 quyển trở lên sẽ được trừ 20%. như các hàng sách

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN

xuất bản

Boîte postale 34 Huế

Đã có bán

Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2 $ 00

Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

12, rue Sabourain phát hành

Hãy đến *Pavillon Information Presse* xem *« nước Việt Nam cổ »* qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bày

Giá báo

Mỗi số	0 $ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

MỘT DANH-SĨ XƯA ĐÃ CHIA HỒI TRUYỆN KIỀU

và phê-bình nàng Kiều thế nào ? (1)

Số 2

SONG-CỐI

HỒI XIII

Đau lòng ly-biệt : đi, ở giùng-giằng.
Gớm máu ghen-tuông : trong ngoài bưng-bịt.

Thúy-Kiều từ khi trải nhiều gian-nan, đã nhìn rõ mặt trái đời, há lại không biết cái thói chua-ngoa của máu ghen mà cứ chơi lối chim én ríu-rít trong tổ không biết nhà cháy đến nơi ?

Nàng muốn làm như Thiệu-thị đem mình ra thú, nhưng ngặt vì nghìn dặm xa-xôi, quan san khó vượt, thì sao lại không phải nhờ cậy trọn-vẹn vào đức ông chồng ở giữa giúp-đỡ ? Vì vậy, nàng đành cam chịu lạnh-lùng gối chiếc, tán-thành việc chàng Thúc về nhà, để chàng vì nàng mà khéo khuôn xếp, họa may gỡ được cái nạn sư-tử Hà-đông ? Nào ngờ chàng Thúc vô mưu, đành chịu bó tay, chỉ vui cười chiều vợ cả, để đến nỗi xảy mối oan-nghiệt sau này ?

Cái thâm-thiểm của Hoạn-thư là ở chỗ « bưng kín ». Người ta bảo Hoạn-thư là gái khôn-ngoan, nhưng tôi cho rằng chỉ may vì chàng Thúc ngu-ngốc ! Giá thử chàng là người có kiến-thức một chút thì há lại không khám phá được ngón giảo-hiệt của Hoạn-thư ?

Nham-hiểm thay cái dụng tâm của chị Hoạn ! Sai Khuyển, Ưng dùng chước bắt Kiều, bảo họ Kế ra oai khiến Kiều phải hàng phục. Chính tự mình chủ mưu, thế mà làm ra như mình không hề biết đến. Kịp khi « con Hoa » hầu-hạ, Hoạn thoạt nghe tiếng đàn, liền cất-nhắc ra khỏi vòng « ả hoàn » làm cho Kiều phải coi Hoạn như là tri-kỷ. Nửa năm, mượn chén làm khuây ; tương đắc là dường nào ! Về sau, trước mặt chàng Thúc, bắt rót rượu, bắt gảy đàn, chẳng qua chỉ là một cách lộng xảo. Duy đến việc gán cho Kiều cái tiếng yêu-quái, mượn tay chàng Thúc hỏi tra, thì thật xảo-quyệt rất mực ! Nhưng, thoạt xem tờ thân-cung của Kiều, Hoạn liền khen là « giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên ». Rồi cho Kiều sang Quan-âm các chép kinh để cho Kiều được nhàn - nhã. Sau, Kiều trốn đến Chiêu-ẩn am, là do Kiều tự trốn đi đó thôi, chứ trách gì được Hoạn ? Ghen mà muốn giấu tiếng ghen ; Hoạn-thư là hạng « đàn-bà dễ có mấy tay » thật !

Hoạn chực giở ngón đó để gạt người, nhưng Kiều đã biết thóp ngay từ bao giờ rồi, chứ dối nàng thế nào được ?

HỒI XIV

Ưng, Khuyển nhà Hoạn khéo đánh lộn sòng.
Mỹ-nhân họ Vương đành cam dày-dạn !

Phàm ai đã mua được một thứ danh hoa, nếu biết yêu hoa, tiếc hoa, tất nghĩ đến cách nâng-niu gìn-giữ, huống chi đối với một nàng được cả tài lẫn sắc mà mình chung tình ? Thế mà chàng Thúc đã lấy được nàng rồi, ngày đêm say đắm, không nghĩ đến vợ cả là người thế nào. Chàng chỉ che trước giấu sau, tạm-bợ mong thỏa cái vui trước mắt, chứ không nghĩ đến cái lụy ngày sau sẽ xảy ra, đến nỗi để cho đào tơ liễu yếu uổng bị dập vùi ! Đó là tại ai ? Hạng đàn bà ghen thường vẫn nham - hiểm, ta cũng không cần trách nặng Hoạn-thư. Chỉ trách cái tội Thúc-sinh mờ tối nhu-nhược ! Sau này được tặng nghìn vàng : người đưa đáng mừng, song người nhận đáng thẹn !

HỒI XV

Sống nơi địa-ngục, nín tiếng, im hơi.
Mượn cửa từ - bi, chép kinh, khuây nỗi...

Giảo-hiệt thay Hoạn-thư ! Đặt sẵn cái máy ác-nghiệt để cho người ta sa vào mà phải câm miệng ! Làm cho hả được cái hận bấy chầy, rồi sau mới mở lòng từ-bi, gỡ Kiều ra khỏi địa-ngục. Hoạn lại bày chuyện qui ninh, làm ra vô tình để cho Kiều và Thúc khóc than với nhau, rồi dẫu thực tang bắt được, nhưng « im chẳng đãi-đằng, nói năng dịu-dàng, chào mời vui vẻ », không hề lộ cái bản sắc ghen tuông, khiến Kiều không còn bởi đâu mà đo lường được, tự nhiên Kiều phải thin-thít mà trốn đi. Thế là Hoạn nhổ được cái đinh trước mắt mà chính mình không mang tiếng là ruồng đuổi người : há chẳng kiệt hiệt lắm nhỉ ?

Hoạn-thư oán, là oán Thúc sinh ; giận, là giận Thúc-sinh. Đến như đối với nàng Kiều thì không nên kết tội nặng, nên Hoạn cho Kiều được lỏng-lẻo ở gác Quan - âm. Mấy lời mát mẻ khiến chồng đau lòng thương tiếc mà rút cục vẫn không làm sao được ! Thực ra Hoạn đã vì Kiều mà mở đường cho Kiều phải tự trốn đi. Hoạn lại để sẵn mọi đồ kim ngân ở Phật tiền, có ý ngầm cho một chút độ-thân. Hoặc nói ; Hoạn cũng liệu trước rằng Kiều là tấy tài sắc gồm toàn, tất không đến nỗi phải « chết đuối đội đèn », biết đâu ngày sau không gặp bước làm nên, nên Hoạn mới lưu lại ân tình « vuốt đuôi » để làm bước gỡ sau này. Nói vậy không phải. Vì sao ? Vì nếu Hoạn quả liệu trước đến chỗ đó, thì nếu không hậu đãi ra mặt để kết mối thâm tình, ắt cũng giết ngầm để trừ nỗi lo về sau, chứ sao lại làm cái ân-huệ lờ-mờ không rõ, và sao lại nuôi ái hi-vọng tương-lai chua đâu vào đâu ? Nếu Hoạn là người rất có kiến-thức, phỏng có thế không ?

HỒI XVI

Quan-âm các đánh liều cùng than thở.
Văn-thù am, gửi hứng lại ngâm đề.

Trong kiếp phong trần của nàng Kiều, chỗ then chốt rất quan-trọng không đâu bằng một mầu đời ở nhà Hoạn-thư. Khi chưa gặp Thúc-sinh thì Kiều vẫn lờ-mờ không biết thân-thế mình là cái gì ; khi đã gặp Thúc-sinh thì nàng thảm-não không biết ngày nào cất đầu ra được ; khi ở gác Quan-âm thì như cá thoát khỏi lưới ; khi từ gác chép kinh trốn đi thì như chim bay vào rừng. Kịp khi đến Van-thù am (2), thoạt gặp Giác-Duyên thì đã ngầm ngầm có cơ ra khỏi kiếp phong-trần đầy-đọa.

HỒI XVII

Cửa Phật, gặp ma, sa chân trụy-lạc !
Lầu xanh nặng nợ, để mắt anh hùng.

Lại gặp thần mây xanh, nàng Kiều, để cho rồi ngày xuân, cũng đành liều má phấn. Nào ngờ trong vòng then-máy ác nghiệt lại phục sẵn một mối tơ duyên lạ-lùng.

Giá thử không có cuộc lừa của Bạc-bà thì nàng đến già đời cũng chỉ là một ni-cô thôi, đâu được trả ân trả oán một đời, lại đâu được tai hồi Kim-Trọng để đền duyên cũ ước xưa ? Thế thì nói rằng « trong hình đầu ma lại có tay phật », tưởng cũng được lắm.

Từ-Hải thoạt gặp Thúy Kiều, tự cho rằng trong thiên-hạ dẫu rộng lớn, nhưng chỉ có một mình nàng là người tri-kỷ. Cho nên, sau này, trong các cơ-mưu, nàng bảo sao Từ theo vậy. Chẳng đó « vì nghe lời thiếp nên cơ hội này, » ! Cổ nhân nói : « Chết vì tri-kỷ » chính là chàng Từ đó chăng ?

(Còn một kỳ nữa)

SONG-CỐI

1·) Xin coi lại Tri-Tân số 63, trang 9, 10, 11.

2·) Truyện Kiều nôm chép là « Chiêu ân am ».

Nhớ nhà

Vài tia nắng yếu soi rừng thẳm,
Mấy cánh đồi hoang chất lá khô.
Cỏ mán thẫn-thờ bên suối lạnh,
Chân giời lanh-lảnh tiếng gà-gô.

Gió

Ngàn mây xoã tóc buông theo gió,
Dặm liễu rùng mình lướt dưới mưa.
Quận khách buồn trông giời đất lạnh,
Bên tai thác đổ tự bao giờ ?...

Bà MỘNG-SƠN

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 46

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Vũ-Quỳnh, tự là Thủ-phác, hiệu là Đốc-trai và Yến-xương, người xã Mộ-trạch, huyện Đường-an (sau đổi là Năng-an) phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Nam hai-mươi-sáu tuổi, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân (hoàng-giáp) khoa mậu-tuất, năm 1478, hiệu Hồng-đức thứ-chín, đời Lê Thánh-tôn.

Ông làm chức đài-gián, không kiêng-kỵ người quyền-quí; ra làm quan ở Đông-hải, nổi tiếng ân tín. Bình sinh là người học rộng, hay khảo cổ, được đời tôn làm bậc thầy, từng kiêm chức tổng-tài ở Sử-quán. có soạn bộ *Việt giám thông khảo* (sách *Công-dư tiệp-ký*, tờ 9 A, chép là *Đại-Việt thông-giám thông-khảo* gồm 26 quyển, chép từ Hồng-bàng đến 12 sứ quân làm *ngoại-kỷ*, từ Đinh Tiên-hoàng đến nam đầu vua Lê Thái-tổ làm *bản-kỷ*.

Lúc bấy giờ (1510) ông đã 59 tuổi; ông có đính chính sách *Lĩnh-nam trích quái*, và soạn quyển *Tố-cầm tập*; quyển này không còn, chỉ thấy ông Phan-huy-Chú phê là lời thơ thanh-thoát. Ông Vũ-Quỳnh còn viết cả quyển *Đại-thành toán-pháp*; nhưng bản sao của Trường Bác-cổ (số A 2531 và A 1584) lại chép rằng: « Tục truyền Nam-quốc trạng-nguyên Lương-thế-Vinh sáng thủy, »

Ông Vũ-Quỳnh còn ba bài thơ cận thể chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-qui-Đôn: một bài đề chùa Phong-công nui Kim-âu, một bài vịnh chùa Hoa yên núi Yên-tử, một bài vịnh đền Siêu-mẫu.

Ông làm quan đến Binh-bộ thượng-thư, vào hầu tòa kinh-diên. Cuối đời Hồng-thuận (1516) về quê hương, bị giặc hại.

Con rể là Lê-Nại đỗ trạng nguyên có bài van-tế bằng chữ nho, xin lược dịch như sau: « Trong đời Hồng-đức thi tiến sĩ, tiên-sinh đặt giải nguy-khoa (đỗ cao) nổi danh Đài-gián. Đầu hiệu Cảnh-thống chiếu cầu hiền, tiên-sinh trước ứng nghĩa-kỳ nêu tên sử-quán. Lồng-lộng như Trình-Dư giúp nên thánh-đức, chăm-chăm như Hồ-Đán chí ở Xuân-thu. Sao giời xanh nỡ vội rước đi, để đêm tối mắc vào hoạn nạn? Kẻ đa-sĩ thở-than núi lở, chốn cửu-trùng mất tấm gương soi! Tôi nay nghĩa nặng tam sinh, tình sâu bản-tử. Thương nhất biệt hóa lâu dài giận trăm năm khôn kéo lại! Rắp toan nhặt cảo-bản của tiên-sinh sót lại, thì tự xét văn-chương thô-bỉ, bút nghiễn hoang-sơ, không thể góp những di-văn của Xương-Lê mà làm Đường Lý-Hàn! Rắp toan diễn những đạo-phải của tiên-sinh truyền lại, thì biết mình kiến-thức hẹp hòi, bộn bề công-việc, không thể yết những dư-ba của Khảo-đình, mà làm Tống Hoàng-Cán. Dàng mấy chữ tỏ tình, tả trăm nam ai-oán! »

Sau ông Lê-quang-Bí có thơ vịnh ông Vũ-Quỳnh, xin lược dịch ra đây: « Đường đường một vị hồng-nho đời thánh-thế. Khi ra làm quan, khiở nhà, tùy thời mặc ý tự-do. Cốt-tướng như một vị cổ-tiên trên giời. Tâm-đầu là vị hoạt-phật ở nhân-gian. Lời nói hay, nết tốt, đứng đầu các hiền-nhân.

Đại-bút hùng-văn, để lại muôn đời. Đạo nho cao vỏi-vọi như non như núi. Người sau chẳng ai là chẳng mong mỏi bậc tiền-tu. »

Con là Vũ-Cán, thông-minh sớm biết, rộng học các sách, đỗ chính-tiến-sĩ (đệ nhị giáp) khoa nhâm-tuất, 1502, hiệu Cảnh-thống thứ năm làm qua đến Lễ-bộ thượng-thư, coi việc viện Hàn-lâm, văn-chương đức-hạnh được đời bấy giờ tôn-trọng. Nhà nghèo mà vẫn vui-vẻ tự-nhiên, gặp việc gì ngẫu-hứng, cầm bút thành thơ, có chép các tập văn thơ gọi là *Tùng hiên thi-tập*. Ông Lê-quang-Bí có thơ vịnh, xin dịch tạm như sau: « Trẻ tuổi đỗ cao, thỏa lòng tìm kiếm của người trên. Văn-chương đức-nghiệp làm bậc sư-mô. Trên nửa nghìn năm giúp đời hưng thịnh. Hơn ba-mươi năm làm quan khắp chỗ yếu đồ. Mũ con miết, minh ngọc-khuê, được liền ban hảo-tước. Ngọn đèn xanh, quyển sách vàng, vẫn cảnh hàn-nho xưa. Thanh bần nào ai biết làm gia-kế. Trong thi-thư cũng có lúc giàu sang. »

(Chép theo *Lịch triều hiến-chương* của ông Phan-huy Chú, *Nhân-vật-chí*; *Nam-sử tập-biên*, quyển 3, tờ 74 a; *Toàn Việt thi-lục*, quyển 13, tờ 2 a-b; *Công-dư tiệp-ký*, tờ 9; *Đăng-khoa bị-khảo*, quyển Hải-dương, tờ 12 b, v. v.)

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

Số 13

Tac-giả TÙNG VÂN đạo-nhân

XXIV

TRÔNG ẢI KẾ-MÔN

TÔ-VỊNH

Nguyên Đường âm

Yên-đài nhất vọng khách-tâm kinh!
Sinh cổ huyên-huyên Hán-tướng doanh.
Vạn lý hàn-quang sinh tích tuyết,
Nam biên thự-sắc động ngụy tình.
Sa-trang phong-hóa xâm Hồ-nguyệt;
Hải bạn van-sơn ủng Kế-thành.
Thiều-tiêu tuy phi đầu bút lại,
Luận-công hoàn dục thủ tràng anh.

Dịch Nam-đàn

Dinh Hán-tướng, dập-dình sinh cổ;
Chốn Yên-đài, một ngó một kinh thay!
Một màu quan-tái là đây,
Hàn ngưng hơi tuyết, sắc lay bóng cờ.
Sa-tràng nọ, trăng Hồ làn khói tỏa;
Hải-đốc kia, thành Kế đợt mây phong.
Bút nghiên từ thuở trẻ-trung,
Công-danh hội cả, lại mong kịp người.

Chú-thích

Kế nôm — Tên một cửa quan-ải ở đất Kế, nay là Sơn-hải-quan.

Dập-dình sinh cổ — Ống sinh, tiếng trống, mọi thức trong quân-nhạc. Truyện Kiều: « *Thì thùng trống trận, dập-dình nhạc quân.* »

Yên-đài — Tỉnh Hà-bắc xưa kia là cõi nước Yên, cho nên lịch-đại thường có những danh-từ: « Yên-đài, Yên-đô, Yên-khuyết, U-Yên, Yên-Kế v.v... »

Kinh — Kinh-động, động lòng công-danh, chớ hiểu lầm là kinh-hãi.

Quan-tái — Quan-san biên-tái. Truyện Kiều: « *Một màu quan-tái, mấy mùa gió trăng* ».

Sa-tràng — Nơi chiến-địa.

Tràng Hồ — Đất Yên-Kế tiếp-giáp Mông-cổ, cho nên thường nói trang Hồ.

Hải-đốc — Góc bể, hình-thế chỗ Kế-môn tiếp núi giáp bể.

Kế-thành — Một khúc tràng-thành trên đất Kế.

Thơ này nói mình vốn là kẻ theo-đòi văn-học, song vì ngó coi biên-tái, lịch duyệt sa-tràng, mà xui nên cái lòng tưởng-mộ công-danh.

XXV

XUÂN-TỨ

HOÀNG-PHỦ-NHIỄM

Nguyên Đường âm

Oanh đề, yến ngữ báo tân-niên;
Mã-ấp, Long-đôi lộ kỷ thiên!
Gia trụ tằng thành làn Hán-uyển
Tâm tùy minh nguyệt đáo Hồ-thiên.
Cơ trung cẩm tự luân tràng hận;
Chẩm thượng hoa chi tiêu độc miên.
Vị van Nguyên-nhung Đậu xa kị:
Hà thời phản bái lặc Yên-nhiên?

Dịch Nam-đàn

Giọng oanh-yến chào xuân, xuân đã tới;
Biết đâu là Mã-tái với Long-đôi!
Hồ-thiên, Hán-uyển đôi nơi;
Hồn tôi minh-nguyệt, nhà tôi tằng thành.
Chữ gấm trong khung, đành dệt hận;
Cành hoa trên gối, chỉ thêu sầu.
Bao giờ Đậu-tướng phong hầu,
Quay ngọn cờ đầu, khắc đá Yên nhiên?

Chú-thích

Xuân-tứ = tình-tứ kẻ chinh-phụ về cảnh xuân. — Mã-tái Long-đôi = hai nơi sa-tràng, tiếp giáp rợ Hồ, là chỗ kẻ chinh-phu thường ở. — Hán-uyển = vườn Hán, cũng như nói Hán-địa; vì người chinh phụ ấy vốn là kẻ kinh-thành nữ, cho nên gần Hán-uyển. — Tằng-thành = cũng như trùng-thành. — Chữ gấm trong khung = đời Bồ-Tần, Đậu-Thao đi tòng quân, người vợ là Tô-Huệ-Lan dệt thành bức chữ gấm, kể tình-tự kẻ chinh-phụ; được vua Tần cảm thương, Đậu-Thao được phóng-hoàn. Đời gọi là « Chức cẩm hồi van. » (Bài Hồi-van này, Nhạc-phủ nước ta có dịch ra Quốc-âm). — Khắc đá Yên-nhiên = đời Đông-Hán, Đậu-Hiến làm Xa-kỵ tướng-quân, đi đánh Hung-nô, thắng trận, khi khải-hoàn, khắc bài minh vào hòn đá núi Yên-nhiên để kỷ-công. — Phong hầu = lộ nhà Hán, chẳng phải là kẻ có quân-công chẳng được phong hầu. Mong Đậu-tướng phong hầu, tức là ý mong kẻ chinh-phu sớm về.

(sẽ tiếp)

Hà-đông NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

TUY HỨNG

TRẦN - BÌNH - TRỌNG

Trướng Thái-tử, đũa ngà xen bát sứ,
Triệt kiếm cung, chén ngọc ánh hoa diên.
Ả Trần ngồi thích cánh tướng quân Nguyên
Chuyện Thập-đạo (1), nín thinh bầy nhạc nữ.

Màn kim bội hé một chiều xuân rũ (2),
Giáp binh nghiêm, cờ kích vút song-song.
Ngựa hí vang, xa bốc khói đồng không.
Bảo Nghĩa bước xum quanh đao-phủ thủ.

Thét cổi trói, dẫn theo hàng tướng tá,
Hoan phân-nàn chào đón trán vinh-quang :
— Vốn thầm yêu tướng hồ chúa sa tràng
Trên gió ngựa giáo dai vung biến hóa.

Từ sáng sớm tới trưa uy chấn động
Giữa trùng vi khinh tướng sĩ Thiên triều.
Gò Thiên-trường, ngẩm bụi, vỗ tay reo,
Lòng ngưỡng phục quên kẻ thù khác giống.

Mừng ca nước nay sưa riêng một tiệc
Đón anh hùng đam đạo bước phiêu linh,
Đừng khách tình — Vâng mệnh dẫn thiên binh
Trỏ cờ thắng, thế Thái-sơn chẳng tiếc.

Bậc thức giả chẳng thèm ôm tiết nhỏ...
Sấm còn vang đại bác định Thăng-long.
Học chim khôn... Ai mộ tiếng cô trung?
Sang nước nhớn tỏ hết tài thần võ.

Cùng thê tử đoàn-viên chung phú quí
Chẳng hơn sao? Tráng-sĩ hãy vào cho!
Hại sinh-linh, Quốc-Tuấn quá mơ hồ,
Trốn đâu đó? Còn bao nhiêu tướng sĩ?

Hay Bình-Trọng muốn quang vinh cùng cực
Tán phong Vương?... Giận nổ thet phong ba :
— Hỡi Thoát-Hoan! Trần Bình-Trọng ta thà
Làm Nam quỉ hơn làm Vương đất Bắc!

Tướng bại trận treo cao vừng chính khí,
Chớ nhàm lời, cho chết ấy là ân.
Trấn-Nam im, tắc lưỡi, ý phân-vân
Liếc đao-phủ. Vương nghiêng mình đáp lễ.

Đàn sáo bặt tiệc hoa đèn sán lạn.
Đao-phủ dâng thủ-cấp vềnh râu kiêu.
Tiếp hai tay lệ cạn ứa tuôn theo,
Hoan đứng dậy cáo lui truyền triệt soạn.

NGUYỄN HUY-TƯƠNG
(Trích trong tập *Nhất điểm linh đài*)

---

1) Thập-đạo tướng quân, tức Lê Đại-Hành, tổ Trần Bình Trọng.

2) Bình Trọng bị bắt vào tháng hai năm Thiệu bảo thứ sáu (1284).

MỘT CUỘC THI RẤT LÝ-THÚ

trong số xuân Tri-Tân 1943 (Quý-mùi)

Các bạn muốn mua vui trong dịp tân xuân?
Các bạn muốn tìm thú tiêu-khiển thanh-tao trong những lúc hoa cười, pháo nổ?
Các bạn muốn tỏ cái hào hứng yêu-chuộng thơ văn?
Các bạn nên dự thật đông vào một cuộc thi rất nhã và rất giản do Tri-Tân tổ-chức!

ĐẦU BÀI? — THỂ LỆ?

Xin đọn coi ở *Số xuân Tri-Tân* (Quý-mùi, 1943), các bạn sẽ rõ.

CÁCH XẾP-ĐẶT CHỮ NHO TRONG TỰ-ĐIỂN (1)

Số 7

III. — Nét nào đứng độc-lập một mình, phải lấy làm góc, dù có nét khác cao hơn hay thấp hơn cũng vậy. Thí-dụ: chữ *phổ* 浦 nét chấm bên hữu, vì độc-lập, nên tuy thấp hơn nét sổ ở bên, cũng lấy làm góc: thứ nhì *phổ* 浦 = 3312. Chữ *tật* 疾 nét phẩy lên ⺈ ở bên tả, vì độc-lập, nên tuy bên cạnh có nét phẩy xuống thấp hơn, cũng lấy làm góc thứ ba: tật 疾 = 0013.

Những nét bình-hành (parallèles) dù thấp hơn nét khác cũng lấy làm góc trên, cao hơn nét khác cũng lấy làm góc dưới. Thí-dụ: *phi* 非 bốn góc là số 1, không phải số 2. Chữ *đế* 帝 hai góc dưới là 22, không phải là 40.

Khi nào hai phức-bút đứng liền với nhau trong một chữ, phía trên lấy nét cao nhất làm góc, phía dưới lấy nét thấp nhất làm góc. Thí-dụ: chữ *công* 功 góc thứ nhì là 4, vì phức-bút số 4 cao hơn phức-bút số 7. Chữ *mao* 毛 góc thứ ba là 7, vì phức-bút số 7 thấp hơn phức-bút số 4.

Nét nào có nét phẩy trùm lên phải lấy làm góc. Thí dụ: chữ *y* 衣 góc thứ ba là 7, vì trên nét V có nét phẩy ⺈.

Nét phẩy cao nhất không bao giờ dùng làm góc thứ nhì. Thí dụ: chữ *điếu* 釣 nét thứ nhì là 7, không phải là 2. chữ *mâu* 侔 góc thứ nhì là 3, không phải là 2.

IV. — Chữ nào bốn góc như nhau, dùng phụ-giác mà phân-biệt. Phụ-giác là những nét ở ngay trên góc cuối-cùng; đầu nét hoặc cuối nét của phụ-giác không được có nét khác che đi (nguyên văn: a stroke just above the lower left corner and whose ends shall not be covered by any other stroke). Thí-dụ: *nguyên* 元 phụ giác là 1; chữ 王 phụ giác là 4; *kiến* 見 phụ giác là zéro, vì hình vuông trên đã dùng làm góc thứ nhất rồi:

元 = 1021 — 1
王 = 1010 — 4
見 = 6021 — 0

} Ba con số sau cùng, 1, 4, và 0, là phụ-giác. —

Cách xếp từ-ngữ theo tứ-giác

Một chữ có thể ghép với chữ khác và thành ra rất nhiều từ ngữ. Ví-dụ chữ *đại* 大 trong Từ-nguyên có đến 447 từ-ngữ. Những từ ngữ ấy xếp theo số nét các chữ ghép sau chữ *đại*. Trước nhất 大一 (đây đọc là thái nhất), chữ *nhất* một nét, rồi đến: 大人 *đại nhân* 大卜 *thái bốc*, hai nét 大上 *thái thượng*, 大士 *thái sĩ* 大凡 *đại phàm* 大工 *đại công*, ba nét,... vân vân. Xếp đặt như thế, tra vừa khỏ vừa mất thì giờ. Ví dụ: muốn tra chư *đại trát* 大札. Chư *trát* 4 nét phải đếm đã đành, nhưng vì Từ nguyên không biên số nét những chữ ghép theo chữ *đại*, thành thử phải đếm nét một vài chữ trước chư *đại trát*, hoặc sau chữ *đại trát*.

Tự-vị Vương-Vân-Ngũ, xếp theo phép tứ-giác, nên đã tránh khỏi được sự khó khăn đếm nét. Các từ-ngữ, mục « Đại » 大 xếp theo thứ tự số hai góc trên chữ thứ hai. Ví-dụ:

大士 tìm số 40, là hai góc trên chữ *sĩ* 士
大札 tìm số 42, — id — *trát* 札
大工 tìm số 10, — id — *công* 工

Khi nào cần phân-loại từ-ngữ hai chữ hay ba chữ, Vương-Vân-Ngũ dùng thêm hai con số nữa: hai con số ấy, là hai góc dưới của chữ thứ nhì, hay hai góc trên của chữ thứ ba; ví-dụ:

1249	50	22	
孫	中	凵	= 1249/5022
1249	0040		
孫	文		= 1249/0040
1249	00	77	
孫	又	學	= 1249/0077

Phê bình cách tứ-giác hiệu-mã

Tứ-giác hiệu-mã tiện lợi hơn cả các cách phân loại hán-tự. Vương-Vân-Ngũ đã thí nghiệm và so-sánh cách này với các cách khác về hết thảy phương-diện. Đây là mấy con số của tác giả đã tìm thấy:

A. — *Tự-vị thường dùng, vào khoảng bảy tám nghìn chữ:*

a) Xếp theo bộ (cùng một bộ xếp với nhau): mục nhiều chữ nhất có hơn 400 chữ.

(Xem tiếp trang 19)

MỘT KIẾN GIẢI VỀ :

VẦN THƠ TIẾNG TA

ĐỖ-THỨC

(Tiếp theo)

Ơn an :

Vẻ chi một mảnh hồng nhan !
Tóc tơ chưa chút đền ơn *sinh thành.* (K)

Than rằng : Lưu thủy cao sơn,
Ngày nao nghe được tiếng đàn tri âm.
(Lục-Vân-Tiên)

Ơm, ươm, am.

Chầy sương chưa nện cầu Lam,
Sợ lần khân quá ra sớm *sỡ chang !* (K)

Phong trần mài một lưỡi gươm,
Nhưng loài giá áo túi cơm *xá gì.* (K)

A, oa :

Kiều từ trở gót chướng hoa
Mặt trời gác núi, chiêng đà *thu không.* (K)

Au, âu :

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau *đớn lòng.* (K)

Ăng, âng ưng, uâng :

Lần lần ngày gió đêm trang,
Thưa hồng rậm lục đã chừng *xuân qua.* (K)

Thưa công đức ấy ai bằng !
Tục khiên đã rửa làng-làng *sạch rồi.* (K)

Lòng quê luống những bâng khuâng,
Phút theo buồm nhẹ tếch chừng *bể khơi.*
(Thu-dạ)

Ăm, âm :

Liền tay ngắm nghía biếng nằm,
Hãy còn thoang thoảng hương trầm *chưa phai.* (K)

Chữ tình càng tưởng càng thân,
Khen ai thêu rệt lum cam *não người.*
(Lục-Vân-Tiên)

Về vần trắc, thì những tiếng cùng một vần có dấu giọng vần bằng mà cải sang trắc vẫn theo một vần.

Ví dụ :

Tiếng *ngán* với tiếng *cạn* trong đôi câu này :

Tre tạo hóa đành hanh quá ngán,
Giạt níu nhau lên cạn mà chơi. (cung-oán)

Sẽ với nghé :

Làng cung kiếm rắp ranh bắn sẻ,
Khách công hầu ngấp-nghé *mong sao.* (C.o)

Độ, rũ :

Cầu thệ thủy ngồi trơ cỗ độ,
Quán thu phong đứng rũ *ta huy.* (C o)

Thế, khóe :

Đuốc vương giả chỉ công là thế,
Chẳng soi cho đến khóe *âm nhai !* (C.o)

Khoái, lại :

Buồn mọi nỗi lòng đà khắc-khoái,
Ngán trăm chiều bước lại *ngẩn-ngơ.* (C.o)

Nọ, thủa :

Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ ?
Cành liễu mảnh bẻ thủa *đang tơ.* (C.o)

Trọng, rụng :

Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng ?
Buồn vì điều hoa rụng *ai nhìn ?*

Rủi, dói :

Duyên đà may, cớ sao lại rủi ?
Nghĩ nguồn cơn dở-dói *sao đang ?* (C.o)

Nhị, hé :

Hoa xuân nọ còn phong non nhị.
Nguyệt thu kia chưa hé *hàn quang.* (C.o)

Chuyền, đến :

Gan chẳng đá, khôn đường khó chuyền
Mặt phàm kìa đã đến *thiên thai.* (C.o)

Nghĩa, tuệ :

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm đuốc tuệ *làm duyên.* (C,o)

Dủi, khỏi :

Đường tác hợp đường kia dun-dủi,
Lọt làm sao cho khỏi *nhân tình ?* (C.o)

Vọi, gụi :

Trong tướng gấm, chỉ tôn vòi-vọi,
Những khi nào gần gụi *quân vương.* (C.o)

Sớm, bươm :

Chiều ủ-dột giấc mai trưa sớm,
Vẻ bàng-khuâng hồn bướm *vần vơ* (Co.)

Rỉ, kẻ:

Ai ngờ tiếng dế van rỉ rỉ,
Giọng bi thu gọi kẻ cô phòng. (C.o)

Phấn, phận:

Huống chi cũng lạm phần son phấn.
Luống năm năm chực phận *buồng không*(C.o)

Tuổi, tối:

Hỏi chị nguyệt Hằng-nga mấy tuổi:
Cứ năm năm đến tối lại ra.

(Nhân nguệt vấn đáp)

Không kể lối phú và nhiều lối đồng loại ấy bắt chước lối nho, còn thơ tiếng nôm hình như ưa vần bằng hơn vần trắc. Bởi thế cho nên trong một câu tiếng ta mà dùng đến bốn tiếng vần trắc liền với nhau, thời khi đọc lên nghe « trúc trắc », nghĩa là không êm giọng, trừ những tiếng ở đầu câu, như:

Trải bích quế gió vàng hiu-hắt

Vả chăng, riêng về lối song-thất lục-bát, thì cuối câu nhứ nhì bầy chữ, cứ xem một bài cung-oán ca-khúc, đủ rõ phần nhiều câu nào cũng có đôi tiếng vần bằng như:

Dầu vô tri cũng bắt đèo bòng, (C.o)

Trong bài tôi khảo-cứu nôm-na này, hẳn còn có chỗ sai, hay khuyết; về vần trắc, những câu dẫn ra để thí-dụ, không nhiều, bởi vì thơ nôm *kể* cả tuồng, chèo, dùng vần ấy cũng lắm, nhưng chẳng đồi-dào bằng các truyện trường thiên vần bằng, từ xưa truyền lại.

Đầu bài này, đã nêu câu hỏi: quyền vần thơ tiếng ta nên làm ra thế nào? Nay tóm kết, xin thưa rằng; nếu cứ nguyên-tắc đã lược bầy ra, mà soạn thì xem chừng rất dầm-dị, có thể rút lại ít trang cũng đủ. Có lẽ vì thế cho nên từ trước đến nay chưa có quyển vần thơ nôm chăng? Nhưng cứ thực thì nhà thơ ta cũng như nhà thơ tiếng Pháp, không cần đến sách vần. Phàm công-việc nghề thơ, chốt tại điều gì, nói ra cực khó, nay tạm gọi là cái tứ. Cái tứ là do tâm tình con người ta cảm hứng, pháp-ngữ diễn dịch bằng tiếng « inspiration », nghĩa đem là sự hấp hơi vào, mà chữ nho hình như không có chữ nào đồng giá-trị, đã phải dịch theo thanh âm là « Yên-sĩ-phi-li-thuần » vậy. Có cái hơi cao thượng ấy mới hực là thơ. Ai muốn tìm, mà bắt trước người cổ Hy-lạp khấn cầu nàng tiên kia là « *Muse* », có khi cũng thấy linh ứng, không phải dùng đến sách vần nào, Nhưng nói về phương-diện hình-thức, thì tôi thiết tưởng biết qua mấy nguyên-tắc vần tiếng ta cũng đỡ cho nhà thơ gieo vần chẳng sai lạc, trong khi tâm-hồn súc-động. còn về tinh-thần nhà thơ ta, muốn mở-mang trên đường sáng láng, thì cần cho ai đã biết tiếng Pháp phải xem những tác-phẩm của cổ-nhân Hy-lạp với La-mã nhất là Homère, mà lại còn phải đọc thêm những truyện nôm-xưa, đấy chính là tinh túy tiếng ta, nhờ chữ nho về phần tư-tưởng luân-lý đã trở nên tươi tốt đẹp đẽ.

Hết

ĐỖ-THÚC

Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển

(Tiếp theo trang 17)

b) Xếp theo số nét (cùng một số nét xếp với nhau): mục nhiều chữ nhất có hơn 800 chữ.

c) Xếp theo tứ-giác (cùng một số tứ-giác xếp với nhau); mục nhiều chữ nhất có 38 chữ. Tự-vị Vương-Vân-Ngũ tất cả 7334 chữ, có 1086 chữ, riêng một số tứ-giác. Tất cả có 2422 số tứ-giác khác nhau, nghĩa là mỗi một số tứ-giác đồ-đồng có ba chữ.

B. — *Tự-vị « Trung-quốc nhân-danh đại từ-điển »*: Chữ *Vương* 王 có 1870 tên khác nhau. Những tên ấy xếp theo phép tứ-giác, có thể chia ra rất nhiều mục. Mục nhiều chữ nhất có 5 danh-từ.

C. — *Danh sách các người có điện-thoại ở Shanghai:* Vào khoảng 20.000 người, tất cả có 253 người họ Trần 陳. Xếp theo tứ-giác thành ra hơn 100 mục. Mỗi mục nhiều nhất là hai tên.

D. — *Tra cách nào nhanh nhất?* — Cuộc thí-nghiệm trong các lớp sơ-học Thượng-Hải, từ 8 tuổi đến 15 tuổi. Tất cả hơn 100 học-sinh tra thi. Tra thấy một chữ, theo bộ, đồ-đồng phải mất 79 secondes, theo nét mất 128 secondes, theo số tứ-giác, mất có 17 secondes.

E. — *Tra cách nào hay nhầm?*

Theo bộ, 117 học-sinh đồ-đồng mỗi người nhầm hơn 8 chữ.
Theo nét, 123 — id — hơn 2 chữ.
Theo tứ giác, 149 — id — chưa đầy 1 chữ.

F. — *Tìm danh thiếp.* Trong 8.000 danh thiếp:

Chữ hán, xếp theo tứ-giác: tìm thấy một cái phải 21 secondes.

Chữ la-mã: tìm thấy một cái phải 37 secondes.

Những con số kể ra trên này đủ chứng minh rằng cách phân-loại của Vương-Vân-Ngũ, không những tiện-lợi cho sự xếp-đặt hán-tự trong tự-điển, mà còn có thể dùng trong nhiều trường-hợp khác nữa.

(Còn nữa)

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

1) Xin coi lại T. T. số 72 trang 15, 16.

DU-KÝ

Hanoi — Vientiane trong hai giờ

Số 2

VŨ-NHẬT

(Bài nối)

Tầu bay được độ một lúc chúng tôi điểm tâm : Tôi ngạc nhiên vì ở trên tầu mà cũng còn có thể cho hành khách ăn điểm tâm được. Tôi đoán một bữa điểm tâm trên tầu bay tất phải đắt bằng năm bằng mười ở dưới đất. Ngồi trên tầu chỉ trong hai giờ đồng hồ thì cũng không đến nỗi đói nào tôi định bụng sẽ không dùng bữa điểm tâm đắt ấy nữa. Tôi toan lôi mẩu bánh tây trong túi áo ra gặm lại ngần ngừ vì nghĩ bụng rằng, nay mình đã lọt vào cái thế giới « đế vương » này mà chơi một cách không được « đế vương » như thế sợ các bạn đồng hành cười là keo bần. Vì sĩ diện tôi không có can đảm lôi mẩu bánh ấy rà cố ấn chặt nó xuống đáy túi cho người ta khỏi thấy. Anh Xuân-Điện lại chỗ tôi và bảo : « Anh an đi kẻo đói, và an khéo kẻo nôn ». tôi mạnh bạo cầm lấy một miếng và tự an ủi : ta không nên hà tiện. Hết « sang vich » đến *biscuit*, đến cà phê sữa, Hành khách cũng có người chỉ uống giải khát bằng nước chanh hay nước lã có thả nước đá.

Lúc anh Xuân Điện đưa giấy cho hành khách ký, tôi hỏi xem phải trả bao nhiêu tiền, anh ấy đáp nhanh bằng tiếng Pháp : « Anh không phải trả gì cả, đây là giấy để kiểm soát lại (papier de contrôler). Lúc ấy tôi mới hiểu bữa điểm tâm ấy là của hãng đãi hành khách. Tôi ngồi lại nghĩ đến chuyện vào khoảng năm 1937, ông chủ bút báo « Bắc Hà » cử tôi đi dự lễ khánh thành đập nước Đô lương. Chuyến tầu hỏa riêng chở quan Toàn-quyền, các quan khách và các đại biểu các báo đến ga Phủ diễn thì vừa sáng. Chúng tôi xuống sân ga một viên chức người Pháp niềm nở bảo chúng tôi : « Đằng kia có một toa hàng cơm (wagon restaurant) dành riêng cho các ông xin mời các ông lên. Khi mọi người ngồi vào bàn thì người bồi mang lại cho chúng tôi nào bánh tây nào bơ tươi, cà phê sữa, nào thịt gà quay, nho, lê, táo. . . Tôi chỉ ăn có một miếng bánh tây và uống một cốc cà phê sữa vì lúc ở Hanoi ra tôi chỉ mang theo có 10$, tôi còn phải nghĩ đến những món tiêu cần hơn như bữa cơm chiều nên không dám vung phí quá. Ông Nguyễn-công-Tiểu ngồi trước mặt tôi ăn uống vui-vẻ và giục : anh em ăn đi, ăn thả cửa đi kẻo rồi đói vì chưa biết đến mấy giờ mới lại được ăn bữa trưa. »

Nhưng tôi chỉ ngồi nhìn.

Đến lúc mọi người đứng dậy tôi mới biết là chúng tôi không phải trả tiền bữa ăn ấy. Lúc trở về Hanoi kể chuyện lại, các anh em trong tòa báo ai cũng cười tôi là « ngốc ».

Tàu bay mỗi lúc một cao, tôi thấy hơi lành lạnh. Nhìn ra ngoài, phong cảnh đã thấy khác, chúng tôi đương ở trên một miền rừng núi. Những dẫy núi trùng-trùng điệp-điệp nổi lên, những thung lũng, hõm xuống, trông như những lớp sóng cồn. Cảnh vật đều một màu xanh biếc như phủ lớp nhung lam. Hành-khách đều im lặng, chăm-chú nhìn ra ngoài như có vẻ say sưa với cái cảnh tuyệt mỹ của Hóa-công. Riêng có bốn người ngoại quốc ngồi ngủ trên ghế một cách ngon-lành từ lúc ăn điểm tâm xong. Bốn ông này, nếu không phải là vô tình với cảnh vật, thì cũng phải là những người đã từng ngồi máy bay nhiều lần, nên cái bức tranh của Tạo-hóa từ trên không xuống đối với họ đã là nhàm mắt.

Ngắm cảnh bên ngoài tuy không khi nào chán, nhưng tôi cũng phải để ít thì-giờ để xem tàu, vì không mấy khi được bước chân lên ! Tàu chia, theo chiều dài, làm ba buồng. Buồng trước, các hành-khách không được phép vào là để riêng cho phi-công và các người có bổn phận trên tàu làm việc ; buồng giữa dài để cho các hành-khách ; buồng thứ ba ở đằng đuôi là để chứa các hành-lý và hàng-hóa. Hôm ấy tôi được cái may mắn là anh Xuân-Điện đã xin phép cho tôi được vào xem buồng trước. Tôi bước sang thấy buồng này lạnh hơn buồng giữa và tiếng động cơ nghe cũng to hơn. Đằng trước, một phi-công ngồi cầm máy đương chăm-chú nhìn trên một tấm địa đồ để trước mặt, tay cầm volant — Bên cạnh có một người Pháp nữa ngồi, có lẽ là người thợ máy. Đằng sau là chỗ làm việc của một người Pháp giữ việc vô-tuyến-điện. Sau cùng là chỗ của anh Xuân-Điện. Tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu ngắm cảnh và nói truyện với anh Xuân Điện. Tuy muốn tiến lại đằng trước vài bước để xem máy nhưng không dám lợi dụng tấm lòng tốt của người nhiều quá, nên

chỉ ngồi nói chuyện một lúc lại trở về chỗ tôi. Phòng giữa dài hơn cả, có ba dãy ghế da, tương tự như những ghế trên xe lửa hạng nhất. Dưới bực thang bước lên phòng đằng trước có mấy hàng chữ anh và chữ pháp : « Cấm hút thuốc », « Cấm mang theo máy ảnh », « Trong khi tàu đang bay, các hành khách có thể đánh điện tín đi khắp các nơi được ». Tôi đã tính đánh về cho em tôi ở Hanoi và tiểu gia-đình tôi ở Vientiane mỗi nơi một bức nói là tôi lúc này ở trên không đương sung sướng, nhưng sợ người ta cười là « ngông » nên lại thôi.

Ngồi mỗi lúc thấy mỗi thêm lạnh. Nhìn hàn thử biểu thấy chỉ đúng 20 độ. Hai mươi độ mà tôi thấy lạnh là tại hôm ấy tôi mặc quần áo mỏng, và tại tôi đương ở Hanoi là một nơi mà tiết nóng ai cũng kêu là không chịu được. Anh Xuân-Điện cho tôi biết là lúc ấy tàu đương bay cao trên 4000 thước. Tàu đương bay bỗng-nhưng hạ tụt hẳn xuống, như rơi, tôi tưởng-tượng như mình lúc ấy ở lơ-lửng trên không và người không còn dính vào ghế, tôi thấy ngợp và khó thở. Một lát, tàu lại bay vọt lên. Hôm ấy phải hai ba lần tàu bay lên hạ xuống như thế. Những khi ấy ta có cái cảm giác như đứng trong một chiếc thang máy (ascenceur) mà cho lên xuống mạnh quá.

Tàu mỗi lúc một bay sâu vào vùng mây đặc. Ngẩng lên trên, nhìn xuống dưới, trông đằng trước, nghảnh lại phía sau, chỗ nào cũng tuyền một màu mây trắng. Người ta nói : « Sướng như lên mây », lúc ấy tôi mới hiểu là lời nói không ngoa. Phong cảnh trên mây thật đẹp vô-cùng, đẹp không thể tả được. Mây cũng có nhiều vừng trông rõ là hơi nước đọng lại. Vì lúc tàu bay xuyên qua, ta thấy mờ mịt trong những hạt ly ty như khi đứng giữa đám sương mù buổi sáng ở dưới đất. Cũng có nhiều vừng trông như khói soản quan như những hình của các họa-sĩ á-đông vẽ ở chân con rồng, hoặc kéo dài ra như sợi, lướt cong như những mái tóc uốn tuyệt mỹ của đàn bà âu-tây. Các thi-sĩ tàu và ta đem so sánh mái tóc các mỹ-nhân với các làn mây, không phải là một sự quá tưởng-tượng.

Một lát, tàu bay ra khoảng trời quang-đãng, ánh mặt trời đã thấy gay gắt, nhưng nhìn xuống dưới vẫn thấy mặt đất phủ kín bằng một lớp mây đặc. Chúng tôi ngồi ở trên mây và người ta bảo có lẽ còn ở trên mưa nữa. Nếu ngày thường ta bảo vừng trắng trên đầu là trời và mưa từ trên trời rơi xuống thì khi ấy chúng tôi đương ở trên trời, nhưng có một điều không được may mắn như thi-sĩ Tản-Đà thấy Ngọc-Hoàng và gặp các tiên.

Chúng tôi không được ngắm cảnh của địa-cầu nhưng lại được cái may ngắm cảnh mây không biết chán. Tàu bay, bay mãi trên mây, dưới mây. Nhiều lúc tôi cứ tưởng như bị giam ở giữa một cái bầu tròn khổng-lồ bằng mây trắng.

Tám giờ rưỡi. Tàu từ từ hạ thấp qua một lớp mây dày. Dần dần tôi lại trông thấy cảnh đồng ruộng, rồi sông Cửu-long. Chúng tôi mừng là tàu đã sắp đến Vientiane. Ở trên từng mây, trời nắng trang-trang, dưới từng mây, trời âm u và có vẻ sắp mưa. Một lát, tôi trông thấy máy nước, thấy cầu Done Tiane, thấy nhà, thấy đường cái, thấy rõ cả những dấu hồng thập tự kẻ trên những tòa nhà của bệnh-viện Vientiane. Khi tàu hạ thấp trên trường bay, tôi nhận rõ thấy gia đình tôi cùng các người quen khác, đứng bên dãy ô-tô, ngẩng mặt nhìn tàu. Tàu lượn quanh và hạ thấp dần. Lúc nghe bánh xe lan trên đất, một người bạn đồng hành mỉm cười vui vẻ và bảo tôi : « Thế là tàu đã đến đất, chúng tôi chắc chắn không sợ tai nạn nữa ».

Các người thân sum lại hỏi thăm, nhưng tôi vẫn mơ-mơ màng màng những cảnh vừa qua, tưởng như một giấc chiêm bao.

Hanoi — Vientiane trong 2 giờ !

Sự tiến bộ của khoa-học đã làm mất nghĩa một câu thơ của nhà bất hủ Nguyễn-Du : « Đường xa chi ngại Ngô, Lào ». Hoặc giả thi-sĩ là một nhà tiên tri, câu thơ ấy chỉ có nghĩa « Ngô Lào (ta) chớ ngại đường xa » mà bấy lâu nay chúng ta vẫn hiểu lầm ?

Hết VŨ-NHẬT

Cùng chung trong Đại-Đông-Á, người Annam đều đọc :

" TÂN Á "

« **TÂN A** » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandat xin đề :

Maison ASAU

72, Rue Chaigneau Saigon

Téléphone N° 21.755

Adr. télég. AI LEVANT - Saigon

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÌ

Số 5

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG viết

— Cho phép ngươi bình thân.

Chàng đứng lên. Chúa nói gì với vị đại thần.

Vị này nói :

— Đại vương truyền cho ngươi lại gần để ngài hỏi chuyện.

Mại tuân lệnh. Chúa chỉ một cái đôn cách sập độ sáu thước, chéo với ghế của vị đại thần, và truyền :

Cho ngồi.

Nguyễn Mại luống cuống :

Tâu Vương gia, lệnh trên cho phép, nhưng tiểu Tướng xin được đứng hầu.

Chúa cười và nói :

— Con nhà võ mà còn khách sáo. Đây là trong nhà, không phải giữ lễ chúa, tôi.

Và ngài quay hỏi vị đại thần :

Có phải không, Quận công ?

Vị đại thần cung kính đáp :

Đại vương đại quân thần, thực chẳng kem chi Quang vũ.

Chúa và vị đại thần cùng cười, vui vẻ lắm. Và Nguyễn Mại tự nhủ :

— Chắc không phải là việc « cậu Trời ».

Chúa nhìn Nguyễn Mại, mặt ngài tươi tỉnh. Người võ tướng trẻ tuổi bỗng thoáng nhận thấy cả cái vẻ vừa dữ vừa thông minh trong khóe mắt, nụ cười của vị chúa đa tình nhất nhà Trịnh. Chàng thấy yêu và quyến luyến Tĩnh vương. Chàng tự hỏi : ai cũng bảo chúa nghiêm nghị và đa sát, nay mới biết thiên hạ đồn sai cả !

Tĩnh vương thấy chàng vẫn đứng, mặt bỗng biến sắc, vẻ hòa nhã đổi ra vẻ nghiêm nghị.

Ta đã cho ngồi, ngươi không cần phải giữ lễ. Giữ lễ qua thì mất cả thực thà.

Mại cúi đầu, vái Tĩnh vương và vị đại thần rồi ngượng nghịu ngồi xuống ghế.

Tĩnh vương trỏ vị đại thần và giới thiệu :

— Ta quên chưa nói cho ngươi biết quan Huy quận công-đốc-trấn trấn Nghệ an, mới về kinh, mộ tiếng nhà ngươi, muốn được biết mặt đã lâu. Tháng trước, vua nhà Thanh có đưa biếu ta mười cân chè qui. Hôm nay nhân mời Quận công vào uống chè, ta sai triệu ngươi vào, vừa để biết mặt một tay dũng tướng, vừa để hỏi vài câu chuyện phương Nam.

Nguyễn Mại đứng lên vái Tĩnh vương và Quận công, và nói :

— Tâu Đại vương, thưa Các hạ, tiểu tướng là một kẻ ty tiện, vốn chỉ biết trọn đạo thần tử, không ngờ Đại vương và Các hạ quá yêu, tiểu tướng thực lấy làm thảm cảm vô cùng. Dầu Đại vương bảo nhảy vào nước lửa, tiểu tướng cũng không dám từ nan.

Tĩnh vương phán :

— Ngươi ngồi xuống.

Và gọi nội giám :

— Bay, pha trà.

Một người nội giám bưng một chiếc khay gỗ trắc, trên có để một chiếc ấm và ba chiếc chén nhỏ đều một màu da lươn bóng nhoáng.

Huy Quận công tâu :

— Chẳng hay bộ này có phải của người khách Đường Bảo Sơn tiến năm xưa ? Người kinh thành đều khen là một bộ trà qui vô giá.

Tĩnh vương phán :

— Đây là bộ độc Ẩm. Còn đây là bộ trà đức Bình an vương để lại, qui hơn nhiều. Trước có bốn chén, ngày loạn Qui hợi (1) vỡ mất một. Mỗi khi dùng bộ trà này, ta lại nhớ đến công đức tổ tôn...

Huy Quận công và Nguyễn Mại cùng tâu :

— Hạ thần xin các cung tận tụy giúp chúa công, và chúc ngôi bản được vững bền muôn đời.

Chúa vui vẻ, thân pha trà, và phán :

— Nhà Trịnh quả đức, được ngày nay, ta nhớ ở sự giúp đỡ của mọi người đó. Việc phương Nam vẫn là mối lo của Tiên vương. Nay quân Nguyễn đã tan, chúa Nguyễn chạy trốn, thành Phú xuân đã về tay ta, Tiên vương được yên lòng dưới chín suối. Đó chẳng là một điều mừng cho ta sao ? Từ nay ta có thể nghỉ việc binh đao, và cho thần dân được hưởng thái bình vạn đại. Chén trà này là ta mừng cho ta, và chén trà này ta thưởng cho tráng sĩ.

Nguyễn Mại run lên vì cảm động. Nội giám dâng trà. Chàng quỳ xuống lĩnh chén. Trà có một hương vị thanh khiết và thơm tho, chàng thấy nhẹ nhàng, và ân chúa thấm nhuần trong cơ thể.

Tĩnh vương nhấp chén trà, quay hỏi Nguyễn Mại :

— Trận đánh ở Phú xuân thế nào ?

Mại tâu :

— Tâu chúa thượng, khi đại quân tới trước thành Phú xuân, quân Nguyễn thề cố chết giữ thành. Quân ta và quân giặc trong ba tháng đánh nhau hơn trăm trận. Việp quận công thân ra đốc thúc tướng sĩ, xông pha tên đạn, nhưng quân Nguyễn liều chết cố thủ, quân ta thiệt hại vô kể. Đại tướng phiền muộn, quân sĩ chán nản ; lại thêm lương thực mỗi ngày mỗi cạn. Trong khi ấy thì quân Nguyễn tu bổ lại thành trì, tuyển thêm quân sĩ và viện binh của họ đã lục tục đến tiếp ứng. Một hôm nhân theo Đại tướng đi ủy lạo quan quân, tiểu tướng xin Đại tướng cho phép đem 100 quân bản hộ vào tận thành

Phú xuân, nơi sào huyệt của giặc làm nôi ứng. Thấy tiểu tướng trẻ tuổi, Đại tướng ngần ngại mãi mới cho đi. Tiểu tướng và một trăm quân giả làm tiều phu, phải theo đường núi mà đi. Năm ngày mới tới Phú xuân. Vốn đã học được tiếng đường trong, tiểu tướng nghĩ ra một kế, ra đứng giữa chợ, hô hào dân gian ra đầu quân phá giặc, bọn anh em tiểu tướng thì giả làm những người hăng hái ra ứng mộ. Được dẫn vào ra mắt viên đốc trấn thành Phú xuân là Tôn thất Tiệp, tiểu tướng dâng một bài sách phá quân Trịnh.

Tĩnh vương và Huy quận công cùng cười.

— Thế ra ngươi là phản quốc.

Mại cũng cười và tiếp :

— ... Tiểu tướng được trọng dụng ngay. Được mười hôm, giữa đêm mồng chín tháng 10 năm ngoái (2), nhân lúc mưa phùn, gió bấc, tiểu tướng truyền lệnh cho 100 quân thân tùy, mỗi người ẩn một nơi, người thì được lệnh đốt kho lương, người thì được lệnh đốt kho súng, người thì đóng vai quân hoảng sợ, phao tin quân giặc đã vào... Tiểu tướng cũng phục quân Nguyễn canh phòng nghiêm ngặt, họ không hề chểnh mảng một phút nào. Sau khi xếp đặt đâu đấy và khuyên anh em nên quên thân đền nơ nước, tiểu tướng dẫn 10 người cảm tử tới kỳ đài, giết hết lũ quân canh, rồi lúc lên đỉnh, nhổ hiệu cờ quân Nguyễn, cắm cờ nhà Trịnh. Kế đó tiểu tướng bắn ba ngòi pháo thăng thiên để báo hiệu cho quân nhà. Quân ta đã đợi sẵn, nhất tề xông sang. Quân Nguyễn biết là có biến, lên cả mặt thành phòng ngự. Nhưng cũng vừa lúc ấy, một tiếng nổ kinh thiên động địa, kỳ đài rung chuyển như đổ đến nơi, và kho lương lửa bốc lên ngùn ngụt. Năm mươi anh em chạy tán loạn, kêu trời, khóc đất, khiến cho quân Nguyễn phải lây cái sợ. Họ bị những viên tướng Nguyễn giết đi. Lòng tiểu tướng thắt lại. Nhưng quân Nguyễn bấy giờ đã sợ quá rồi. Tiểu tướng bắc loa đứng trên kỳ đài hô : « Bớ quân tương nhà Nguyễn, hãy trông la cờ Trịnh phấp phới trên đầu các ngươi ! Quân ta đã vào đến trong thành, thiên binh đã tới, chống cự cũng là vô ích. Đứa nào hàng thì còn được toàn tính mệnh, đứa nào chấp mê chưa tỉnh, thì đừng trách chủ tướng ta tàn ác ! » Bấy giờ quân ta đã đánh lên mặt thành, trông thấy anh em xả thân vì nước, tiểu tướng đứng riêng một chỗ tự lấy làm hổ thẹn. Vì thế tiểu tướng bước xuống kỳ đài. Nhưng dưới chân đài quân Nguyễn vây kín như ong, mười người anh em của tiểu tướng đã bị chúng băm như cam. Phần thì thương bạn, phần thì giận giặc, phần thì cố mong cho chóng thắng trận, tiểu tướng múa gươm sông vào giữa trùng vi. Quân giặc hô : hô : « Chính thằng Nguyễn Mại, giết chết nó đi ! » Tiểu tướng nói : « Nguyễn Mại đây ! Đứa nào muốn chết thì trên vào Nguyễn Mại ? » Hết lớp này đến lớp khác, tiểu tướng cố sức mãi không sao ra được. Tới mở được một đường máu mới chạy được vài bước, thì bị một phát tên bắn trúng đầu gối. Tiểu tướng ngã xuống, gươm bắn đi xa, quân thù xông lại đâm chém, tiểu tướng chỉ kịp kêu một tiếng : « Tĩnh vương muôn tuổi » rồi không biết gì nữa. . . Đến khi tỉnh dậy, tiểu tướng lấy làm ngạc nhiên thấy Việp quận công ngồi bên, tươi cười nhìn tiểu tướng và bảo cho tiểu tướng biết thành Phú xuân đã vỡ và Trương Phúc Loan đã bị bắt.

Tĩnh vương gật đầu nói :

— Ngươi còn trẻ mà đã thừa trí dũng, lại có lòng tận trung báo quốc, thực đáng khen lắm. Chén trước ta thưởng công, chén này ta thưởng lòng dũng cảm của ngươi.

Chúa lại rót một chén nữa đưa nội giám trao cho Nguyễn Mại. Chàng quỳ xuống lĩnh.

Huy quận công nói :

— Chúa thượng đa ban ân, thần cũng xin một chén để riêng thưởng Nguyễn tương quân.

Tĩnh vương phan :

Quận công bàn phải lắm.

Chưa rót một chén đưa cho Hoàng Đình Bảo. Quận Huy đỡ lấy, quay lại trao cho Nguyễn Mại và nói :

— Đây là chén trà mừng một trang hồ tướng. Tiền trình còn dài, ngươi không nên phụ lòng ân cần của chúa thượng.

Mại cung kính nhận lấy và thưa :

— Tiểu tướng xin đa tạ các hạ. Nhời các hạ, tiểu tướng xin ghi tạc vào phế phủ.

Một phút yên lặng. Nguyễn Mại biết Tĩnh vương đang nhìn mình, chàng không dám ngước mắt, nhưng có cái cảm giác rằng đôi mắt ấy sáng loáng như gương :

Chúa chợt hỏi :

— Ngươi có phải vào Nam nữa không ?

Chàng đáp :

— Tâu chúa thượng, tiểu tướng chờ vương lệnh.

(còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

1) Loan Trịnh Xuân, 1623.
2) 1774

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có
Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn
Khoản thức biên gia phả
Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyển này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào
Cử nhân
Dương Bá-Trạc soạn

Giá 0$40 — Cước 0$10
gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông HANOI

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

Nguyễn Du

VÀ

Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tản Đà, Yên Đỗ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Khoáng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3$50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12$ đến 50$: ai muốn mua hỏi :

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Phap

1p.00 một vé

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1·) Tiền học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p.25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3p.50

4·) *Phật lục*. Trần-trọng-Kim, 0p.80

5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1p.50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Mày cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐAO SÔNG *sách thường 2$00* *sách đẹp 4$00*

« J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieux mentprésentes de chacune de ses doctrines. Je vous félicite... »

P. DELSALLE

Résident Supérieur au TONKIN

Những sách như sách Đao Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

sách thường 1$50 *sách đẹp 3$00*

A la fois sinologue et artiste, Ng. x. Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

...La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyen-văn-Tố

THI THOẠI

Dày non 800 trang giá 9p.

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p10 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê-van-Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

Đã xuất - bản quyển I

Giá bán : 0$80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0$30 cho Nhà xuất - bản TÂN - DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Tri-Tân — 70, Bach-Mai Hanoi